

KHOA ĐỊA LÝ
(39 báo cáo)

1. **Nghiên cứu đánh giá nghèo đa chiều tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ..... 6**
Sinh viên: Bùi Hải An, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, CN. Đặng Hữu Liệu, Khoa Địa lý
2. **Nghiên cứu đặc tính chu kỳ của thị trường bất động sản Việt Nam giai đoạn 2005-2015 7**
Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Anh, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: KS. Phạm Sỹ Liêm, Khoa Địa lý
3. **Nghiên cứu thực trạng giá đất khu vực huyện Thạch Thất - thành phố Hà Nội năm 2015 phục vụ công tác định giá đất và quản lý thị trường bất động sản..... 7**
Sinh viên: Triệu Thị Mai Anh, Đỗ Thị Văn, Nguyễn Thị Minh Huệ, K57 Quản lý đất đai
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Văn Tuấn, Khoa Địa lý
4. **Nghiên cứu ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội 8**
Sinh viên: Đặng Ngọc Duy, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, CN. Phạm Lê Tuấn, Khoa Địa lý
5. **Xây dựng bản đồ phân bố các hệ sinh thái ven biển thành phố Hải Phòng trên cơ sở nghiên cứu địa mạo & ứng dụng công nghệ viễn thám 9**
Sinh viên: Đào Thuỳ Dương, K56 Địa lý
Nguyễn Thị Thuý Nga, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Hiệu, ĐHQGHN
ThS. Đoàn Thu Phương, Khoa Địa lý
6. **Xây dựng WebGIS mã nguồn mở phục vụ theo dõi biến động sử dụng đất tại thành phố Hà Nội..... 10**
Sinh viên: Nguyễn Tiến Đạt, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: TS. Bùi Quang Thành, Khoa Địa lý
7. **Nghiên cứu ứng dụng WebGIS hỗ trợ cung cấp và tìm kiếm thông tin thuê nhà tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội..... 11**
Sinh viên: Phạm Tiến Đạt, Nguyễn Hồng Xuyên, K56 Công nghệ Địa chính,
Lê Thị Trang, K57 Quản lý đất đai
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, Khoa Địa lý
8. **Nghiên cứu chất lượng cuộc sống tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội 12**
Sinh viên: Tạ Thùy Dương, Bùi Thị Hương Thu, Trần Thị Cẩm Thu,
Nguyễn Thị Hoài Thương, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý
9. **Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở đô thị, trường hợp nghiên cứu: quận Long Biên - thành phố Hà Nội 13**
Sinh viên: Bùi Hương Giang, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: KS. Phạm Sỹ Liêm, Khoa Địa lý

- 10. Nghiên cứu xác định hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng đất đai dựa trên mô hình Áp lực - Hiện trạng - Đáp ứng (PSR) tại huyện Văn Chấn, Yên Bái.....14**
Sinh viên: Đặng Thị Hương Giang, Đặng Thị Tuyết Lê, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý
- 11. Mối quan hệ giữa đô thị hóa với phát triển dân số và kinh tế - xã hội tại thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.15**
Sinh viên: Bùi Thị Hằng, Nguyễn Hồng Ngọc, Trần Thị Oanh, Nguyễn Thị Tuyết, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý
- 12. Lượng giá một số cảnh quan tự nhiên và cảnh quan văn hóa cụm xã Na Hối - Tà Chải và thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, Lào Cai.....16**
Sinh viên: Bùi Mai Hương, Đỗ Ngọc Mai, Lê Thị Kim Anh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý
- 13. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dồn điền đổi thửa phục vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.....17**
Sinh viên: Chu Thị Ngọc Hồng, Nguyễn Thị Nhung, Quách Minh Phương, Phí Phương Trang, K57 Quản lý đất đai
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Văn Tuấn, Khoa Địa lý
- 14. Đánh giá tính nhạy cảm trước lũ lụt của người dân xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh.....18**
Sinh viên: Mai Thị Hương, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, Khoa Địa lý
CN. Đặng Hữu Liệu, Khoa Địa lý
- 15. Xác định các mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo các tiểu vùng cảnh quan tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi...18**
Sinh viên: Nguyễn Thị Hương, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: GS.TS. Nguyễn Cao Huân, Khoa Địa lý
ThS. Đặng Thị Ngọc, Khoa Địa lý
- 16. Áp dụng các nguyên tắc sinh thái cảnh quan trong kiến trúc không gian xanh và không gian mở dải đô thị Nguyễn Trãi - Hà Đông.....20**
Sinh viên: Nguyễn Thị Hào, Cao Thị Hiền, Nguyễn Thị Quỳnh, Trần Thị Mỹ Linh, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý
- 17. Vận dụng lý thuyết đường cong Loren để phân tích mối quan hệ trong phân bố dân cư thành thị và nông thôn ở huyện Đông Anh.....21**
Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Duy Khánh, Vũ Thị Trang, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý
- 18. Nghiên cứu những tác động chính của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tại khu vực miền Trung Việt Nam21**
Sinh viên: Nguyễn Bảo Khánh, Hoàng Bích Ngân, Nguyễn Thị Thanh, Cù Thị Phương Thảo, Trịnh Thị Mai Hương, K56 Địa chính
Cán bộ hướng dẫn: TS. Mẫn Quang Huy, Khoa Địa lý

- 19. Nghiên cứu tính minh bạch trong thị trường bất động sản Việt Nam qua đó đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng thị trường bất động sản lành mạnh 22**
Sinh viên: Nguyễn Lê Diệu Linh, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: CVC. Phạm Minh Đê
- 20. Nghiên cứu đặc điểm phân bố dân cư gắn với quá trình đô thị hóa ở khu vực Mỹ Đình - Hà Nội 24**
Sinh viên: Nguyễn Thúy My, Vũ Thị Như Yến, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý
- 21. Xác định dấu chân sinh thái, dấu chân Cacbon và dấu chân nước cư dân đô thị nội thành Hà Nội (Lấy ví dụ khu vực Kaengnam - Lê Văn Lương) 24**
Sinh viên: Nguyễn Hồng Ngọc, Trần Thị Oanh, Nguyễn Thị Tuyết, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý
- 22. Cơ sở khoa học và phương pháp xác lập đới đệm ven biển 25**
Sinh viên: Hàn Thị Kim Ngân, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Vũ Văn Phái, Khoa Địa lý
- 23. Nghiên cứu cơ chế thành tạo thạch nhũ phục vụ công tác bảo tồn26**
Sinh viên: Hoàng Thị Ngọc, Nguyễn Thị Mai, K58 CLC Địa lý tự nhiên, Nguyễn Minh Hiệp, K57 Quản lý đất đai
GV hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Hiệu, ĐHQGHN, ThS. Đỗ Trung Hiếu, Khoa Địa lý
- 24. Sự thay đổi vai trò của lao động nữ trong gia đình dưới tác động của quá trình đô thị hóa tại xã Giai Phạm huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên 27**
Sinh viên: Nguyễn Thị Thúy Ngân, Nguyễn Phương Anh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, ThS. Dương Thị Thủy, Khoa Địa lý
- 25. Ứng dụng viễn thám và GIS giám sát sự thay đổi chất lượng môi trường nước khu vực ven biển Hải Phòng theo mùa 28**
Sinh viên thực hiện: Hà Thị Bích Phượng, K56 Địa lý, Bùi Thị Hằng, K57 Địa lý tự nhiên
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thạch, Khoa Địa lý
ThS. Phạm Xuân Cảnh, Khoa Địa lý
- 26. Thành lập bản đồ cảnh quan khu vực huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và TP. Quảng Ngãi với sự trợ giúp của viễn thám và GIS 29**
Sinh viên thực hiện: Nguyễn Đức Thịnh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: ThS. Dư Vũ Việt Quân, Khoa Địa lý
ThS. Phạm Minh Tâm, Khoa Địa lý
GS.TS. Nguyễn Cao Huân, Khoa Địa lý
- 27. Hoạt động du lịch tâm linh tại đền Đô và chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh: nhận thức và thực trạng 30**
Sinh viên: Nguyễn Hà Trang, Nguyễn Thị Thoáng, Vũ Thị Diệu, K58 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, ThS. Dương Thị Thủy, Khoa Địa lý
- 28. Thành lập bản đồ 3D khu vực Ba Vì từ dữ liệu UAV 31**
Sinh viên: Kiều Tuyết Trinh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: TS. Bùi Quang Thành, Khoa Địa lý
NCS Vũ Phan Long, Cục Bản đồ quân đội

- 29. Đánh giá tài nguyên karst phục vụ phát triển du lịch khu vực Bái Tử Long ...32**
Sinh viên: Bùi Thị Hương Thu, K57CLC Địa lý tự nhiên
Phạm Vân Anh, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Hiệu, ĐHQGHN
ThS. Đỗ Trung Hiếu, Khoa Địa lý
- 30. Nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng tiếp cận với biến động lớp phủ rừng tại tỉnh Hòa Bình.....33**
Sinh viên: Đỗ Thị Kim Tuyền, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: TS. Hoàng Thị Thu Hương, Khoa Địa lý
- 31. Thử nghiệm khai thác ảnh vệ tinh VNREDSAT-1A trong việc phân loại lớp phủ thành phố Huế.....34**
Sinh viên: Hoàng Ngọc Tâm, Lê Thị Hằng, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Phạm Văn Cự, Khoa Địa lý
- 32. Nghiên cứu địa mạo sinh vật phục vụ công tác nghiên cứu bảo tồn và khôi phục rừng ngập mặn xã Bàn La, quận Đồ Sơn và xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng35**
Sinh viên: Đỗ Phương Thảo, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Vũ Văn Phái, Khoa Địa lý
- 33. Nghiên cứu ứng dụng GIS và phương pháp phân tích đa chỉ tiêu trong định giá đất và thành lập bản đồ vùng giá trị đất đai phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.....36**
Sinh viên: Đỗ Thị Tuyền, K56 Công nghệ Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, Khoa Địa lý
CN. Nguyễn Xuân Linh, Khoa Địa lý
- 34. Nghiên cứu định lượng và lập bản đồ cường độ sử dụng đất nông nghiệp37**
Sinh viên: Đặng Thị Thanh Hương, Lê Ánh Vân, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: TS. Đinh Thị Bảo Hoa, TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng, Khoa Địa lý
- 35. Thực trạng sinh kế của cộng đồng dân cư xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.....38**
Sinh viên: Đỗ Thị Thiết, Vũ Thị Hạnh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: GS.TS. Trương Quang Hải, Khoa Địa lý
- 36. Nghiên cứu mối quan hệ giữa biến đổi lớp phủ và sinh kế hộ gia đình tại xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.....39**
Sinh viên: Nguyễn Thị Thân, Nguyễn Tuấn Dũng, Ngô Thị Bích Ngọc, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS, Phạm Văn Cự, Khoa Địa lý
- 37. Ứng dụng phương pháp Delphi xác định các giải pháp kinh tế sinh thái trong sử dụng bền vững đất dốc của nhóm dân tộc thiểu số huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái40**
Sinh viên: Doãn Thị Thu Trang, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý
- 38. Bước đầu tìm hiểu về địa mạo sinh vật.....40**
Sinh viên: Vũ Thị Trang, Phạm Thị Thu Hiền, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Vũ Văn Phái, Khoa Địa lý

**39. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống WebGIS phục vụ tra cứu thông tin đất đai và
đầu giá bất động sản trên địa bàn phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành
phố Hà Nội..... 41**

Sinh viên: Nguyễn Văn Vượng, Vũ Thị Phương, K56 Địa chính

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, Khoa Địa lý

1. Nghiên cứu đánh giá nghèo đa chiều tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Sinh viên: Bùi Hải An, K57 Địa lý tự nhiên

Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, CN. Đặng Hữu Liệu, Khoa Địa lý

Võ Miếu là một xã miền núi thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tính đến năm...51,24% dân số xã Võ miếu là đồng bào các dân tộc ít người như Mường, Dao... Trong 3 năm gần đây, tỉ lệ hộ nghèo có xu hướng giảm nhưng tương đối chậm, từ 23% năm 2012 xuống còn 18,6% năm 2013 và 18,4% năm 2014; tập trung chủ yếu vào các hộ là đồng bào các dân tộc ít người. Tuy nhiên, chuẩn nghèo và cận nghèo được sử dụng chỉ dựa vào 1 tiêu chí duy nhất dựa trên thu nhập bình quân đầu người. Thực tế, ngay cả chính phủ cũng phải công nhận rằng nghèo đơn chiều không phản ánh hết được thực trạng nghèo của người dân. Chính vì thế, đánh giá nghèo đa chiều được khuyến nghị sử dụng. Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu minh chứng cho quan điểm này, đồng thời chỉ ra rằng sự thiếu hụt các chiều về kinh tế-xã hội như thiếu ăn, hạn chế trong tiếp cận y tế và giáo dục,...cũng là những chỉ số quan trọng để đánh giá thực trạng nghèo. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp: (1) Thu thập, tổng quan, phân tích tài liệu; (2) Điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu (với 90 phiếu điều tra); (3) Phân tích thống kê, và đạt được một số kết quả chính sau: (1) Đánh giá hiện trạng nghèo theo phương pháp đánh giá đa chiều; (2) Phân tích mối quan hệ giữa tình trạng nghèo với sinh kế hộ gia đình

Từ khóa: Xã Võ Miếu, nghèo đa chiều, sinh kế

Researching on multi-dimensional poverty in Vo Mieu village, Thanh Son district, Phu Tho province

Student: Bui Hai An, K57 Physical Geography

Supervisors: Dr. Nguyen Thi Ha Thanh, BSc. Dang Huu Lieu, Faculty of Geography

Vo Mieu is a mountainous commune which belong to Thanh Son district, Phu Tho province. In 2014, 51,24% population of Vo Mieu commune are ethnic minorities, mainly Muong and Dao people. In the recent three years, the proportion of poverty (followed by the 3rd Resolution of Government, 2010) tends to decrease slowly, from 23% in 2012 to 18,6% in 2014. However, the poverty standard was defined by assessing only one criterion - the average income of households. It is also realized by the government that one criterion is not enough to assess a household to be poor or not. Multi-dimensional poverty assessment is therefore recommended. In this paper, we aim to prove this point of view, and show that human primary demand's shortages, such as shortages in food, literature, health access capacities, occupation,...are also effective indicators to define the poverty of households. By using methodologies of (1) Collecting data, literature overview; (2) Sociological investigation, deep interview (with 90 questionnaires); (3) Statistic analyse, the research obtains some significant results: (1) Clarifying the situation poverty in the study areas by the multi-dimensional poverty assessment; (2) Analysing the correlation between poverty and household livelihood.

Keywords: Vo Mieu commune, multidimensional poverty, livelihood



2. Nghiên cứu đặc tính chu kỳ của thị trường bất động sản Việt Nam giai đoạn 2005-2015

*Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Anh, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: KS. Phạm Sỹ Liêm, Khoa Địa lý*

Việt Nam đang đối diện với nhiều thời cơ và thách thức mới đối với nền kinh tế và đặc biệt là thị trường bất động sản. Thị trường bất động sản Hà Nội nói riêng còn non trẻ và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên thường biến động thất thường, do đó cần nghiên cứu thực trạng của thị trường bất động sản khu vực thành phố Hà Nội trên cơ sở diễn biến thị trường, tìm ra những biểu hiện đặc trưng của các trạng thái trong chu kỳ biến động, từ đó đề xuất một số giải pháp cho thị trường hiện nay. Để hoàn thành mục tiêu trên, đề tài sử dụng một số phương pháp thu thập và phân tích số liệu thị trường, điều tra phỏng vấn, tiến hành nghiên cứu điểm. Kết quả nghiên cứu đạt được gồm thực trạng diễn biến thị trường từ năm 2005-2015, các yếu tố ảnh hưởng trong từng giai đoạn, các biểu hiện đặc trưng của các trạng thái trong chu kỳ dao động, đề xuất một số giải pháp phục vụ công tác quản lý thị trường.

Từ khóa: Tính chu kỳ, thị trường bất động sản

Research periodicity of the real estate market Vietnam in period 2000-2015

*Student: Nguyen Thi Kim Anh, K56 Land Administration
Supervisor: BSc. Pham Sy Liem, Faculty of Geography*

Vietnam faces many new challenges and opportunities for the economy and for the real estate market. The young real estate market in Hanoi is in the process of completion so it often fluctuates. The urgent requirement is to study the current status of the real estate market in Hanoi on the basis of market movements, to find out the specific expressions of the status of the fluctuation cycles, and to propose some solutions for the current market. The research topic uses social methods to collect and analyze market data, and interview. The results were market change analysis from 2000-2015, driving factors, and solutions to serve real estate market.

Keywords: Periodicity, real estate market



3. Nghiên cứu thực trạng giá đất khu vực huyện Thạch Thất - thành phố Hà Nội năm 2015 phục vụ công tác định giá đất và quản lý thị trường bất động sản

*Sinh viên: Triệu Thị Mai Anh, Đỗ Thị Văn, Nguyễn Thị Minh Huệ, K57 Quản lý đất đai
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Văn Tuấn, Khoa Địa lý*

Giá đất nhà nước ban hành là cơ sở để nhà nước thu thuế, xử phạt hành chính, nộp phí, bồi thường nên giá đất thấp hơn giá thị trường rõ ràng gây thất thoát thuế, ngân sách nhà nước chịu thiệt, gây ra tham nhũng. Luật Đất đai 2013, quy định rõ việc định giá đất phải phù hợp với giá phổ biến trên thị trường của loại đất cùng mục đích sử dụng đất. Trong đề tài này nhóm nghiên cứu đã dùng phương pháp thu nhập, phỏng vấn theo mẫu

phiếu điều tra và so sánh trực tiếp giữa giá đất nhà nước so với giá thị trường tại khu vực huyện Thạch Thất năm 2015. Từ đó, đưa ra kết luận tổng quát và đưa ra các giải pháp để phục vụ công tác định giá đất và quản lý thị trường bất động sản. Đề tài nghiên cứu đã chỉ ra được, mặc dù bảng giá đất 2015 có nhiều sự thay đổi, giá đất ban hành cũng tăng lên nhưng vẫn chưa thực sự theo kịp được so với giá thị trường gây ra nhiều vấn đề tồn đọng. Đề tài đã đưa ra bảng so sánh chi tiết giữa giá Nhà nước ban hành và giá thị trường để thấy rõ được sự chênh lệch, chưa thống nhất và một số giải pháp khá thiết thực. Bên cạnh đó đề tài nêu ra một số kiến nghị cần thiết đối với cơ quan chức năng để có thể tạo cơ hội cho những giải pháp nêu trên được ứng dụng và giúp cho những tồn tại được giải quyết triệt để.

Từ khóa: Giá đất, thị trường bất động sản

Research on the situation of 2015 land prices in Thạch Thất, Ha Noi to support the land valuation and real estate market management

Students: Trieu Thi Mai Anh, K57 Land Administration

Do Thi Van, K57 Land Administration

Nguyen Thi Minh Hue, K57 Land Administration

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Tran Van Tuan, Faculty of Geography

Land prices stipulated by the State are the basis of the tax collection, administrative sanction, compensation. Therefore, lower land prices in comparison with those in the market obviously cause waste and corruption. The 2013 Land Law specifies that the land valuation has to be appropriate with common land prices in the market of the same type of land use purposes. In this topic, we have applied collection and interview methods based on questionnaires as well as directly compared land prices on law with those in the market in Thạch Thất district in 2015. From that we give general conclusions and propose solutions to serve the land valuation and real estate market management. The research topic shows that although the 2015 land prices have increased, they still do not keep up with those in the market, maintaining several problems. We indicate detailed comparisons between them so as to clearly identify the differences, inconsistencies and some practical solutions. Moreover, we give necessary recommendations to the authority to make solutions be implemented and thoroughly solve existing problems.

Keywords: land price, real estate market



4. Nghiên cứu ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

Sinh viên: Đặng Ngọc Duy, K56 Địa chính

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, CN. Phạm Lê Tuấn, Khoa Địa lý

Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chính có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đất đai, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai. CSDL địa chính đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, phát triển chính phủ điện tử trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Nhằm hỗ trợ việc xây dựng và khai thác CSDL địa chính, đề tài đã nghiên cứu và ứng dụng các chức năng của GIS như: phân tích không gian, chồng xếp các lớp dữ liệu,

liên kết dữ liệu, tích hợp CSDL vào hệ thống WebMap,... Trên cơ sở đó, tiến hành thử nghiệm ứng dụng GIS xây dựng CSDL địa chính tại thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Kết quả cho thấy các bước xây dựng CSDL được thực hiện khá hiệu quả, việc chuẩn hóa thông tin khá đơn giản và nhanh chóng. Đề tài đã tích hợp được CSDL xây dựng được lên hệ thống ArcGIS Online để thể hiện bản đồ bằng WebMap phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin người dân, nâng cao hiệu quả khai thác CSDL địa chính.

Application of GIS in construction of cadastral database in Quoc Oai Town, Quoc Oai District, Hanoi City

Student: Dang Ngoc Duy, K56 Land Administration

Supervisors: Assoc. Prof. Dr. Tran Quoc Binh, BSc. Pham Le Tuan, Faculty of Geography

Construction of cadastral database is very important for improving the effectiveness of State land administration, as well as for modernizing Vietnam land administration system. Cadastral database has met the increasing requirements on development of economy, society, security, defense, and development of e-government in the field of natural resources and environment. In order to support the construction and exploration of cadastral database, the author has been applied GIS's capabilities, such as: spatial analysis, data layers overlay, data integration into WebMap system,... Based on that, the author experimentally used GIS in building cadastral database of Quoc Oai Town, Quoc Oai District, Hanoi City. The obtained results show that the process of database construction is implemented rapidly effectively with GIS. The author also has integrated the constructed database into ArcGIS Online system to display map by WebMap, serving the needs for information search by people, and improving the utilization of established cadastral database.



5. Xây dựng bản đồ phân bố các hệ sinh thái ven biển thành phố Hải Phòng trên cơ sở nghiên cứu địa mạo & ứng dụng công nghệ viễn thám

Sinh viên: Đào Thuỳ Dương, K56 Địa lý

Nguyễn Thị Thuý Nga, K57 Địa lý tự nhiên

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Hiệu, ĐHQGHN

ThS. Đoàn Thu Phương, Khoa Địa lý

Thành phố Hải Phòng hiện nay là nơi có tốc độ gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá cao cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động kinh tế, cảng biển. Chính vì thế, tài nguyên và môi trường khu vực, đặc biệt là các hệ sinh thái ven biển đã và đang phải chịu sức ép lớn và bị suy thoái nghiêm trọng. Vì vậy, việc xây dựng bản đồ phân bố các hệ sinh thái khu vực ven biển thành phố Hải Phòng là cơ sở để các nhà khoa học có thể sử dụng để tiến hành các nghiên cứu sâu hơn về hệ sinh thái, đồng thời nó cũng là cơ sở để các cấp chính quyền đưa ra các biện pháp, chính sách nhằm khai thác bền vững và bảo tồn các hệ sinh thái nơi đây. Báo cáo sử dụng cách tiếp cận viễn thám và phương pháp nghiên cứu địa mạo nhằm tìm ra mối quan hệ giữa các yếu tố động lực ven biển, địa hình đáy biển và môi trường sống của các nhóm sinh vật bám đáy, từ đó phân chia ra các hệ sinh thái ven biển và xác định vị trí phân bố của chúng. Nguồn dữ liệu được sử dụng trong báo cáo gồm có

ảnh Landsat 8 năm 2013 và số liệu đo chất lượng nước tháng 11 năm 2013. Phương pháp nghiên cứu trình bày trong báo cáo có thể áp dụng để xác định sự phân bố của các hệ sinh thái ven biển ở những khu vực khác của nước ta.

Từ khoá: Phân bố hệ sinh thái, nghiên cứu địa mạo, viễn thám

Mapping the distribution of coastal ecosystems in Hai Phong city based on geomorphology research and applying remote sensing

*Students: Dao Thuy Duong, K56 Geography, Nguyen Thi Thuy Nga, K57 Physical Geography
Supervisors: Assoc. Prof. Dr. Nguyen Hieu, VNU
MSc. Doan Thu Phuong, Faculty of Geography*

Nowadays, Hai Phong city is experiencing a high rate of urbanization and increasing population with the vigorous development of economic and seaport activities. Therefore, the area resources and environment, especially coastal ecosystems have declined significantly and become increasingly stretched. So, mapping the distribution of coastal ecosystems in Hai Phong city is the basis for the scientists to be able to conduct further research on ecosystems, while it is also the basis for governments to give methods and policies for the sustainable exploitation and conservation. The objective of this report is finding out the relationship between the elements of coastal dynamics, seabed topography and habitat of the bottom group of fouling organisms by using remote sensing and geomorphological research. Then, coastal ecosystems is divided and located. The database are Landsat 8 imagery in the end of 2013 and water quality measures data in November 2013. Method of this research can be used to determine the distribution of the coastal ecosystems in other areas of our country.

Keywords: Distribution of ecosystems, Geomorphology research, remote sensing



6. Xây dựng WebGIS mã nguồn mở phục vụ theo dõi biến động sử dụng đất tại thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Nguyễn Tiến Đạt, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: TS. Bùi Quang Thành, Khoa Địa lý*

Quy hoạch sử dụng, phân bổ hợp lý đất đai và theo dõi sự biến động sử dụng đất đai là một trong những yêu cầu cấp thiết cho các phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội. Đề tài này nghiên cứu về việc sự biến động quy hoạch, sử dụng đất của Hà Nội qua các năm, các thời kì dựa trên nền tảng công nghệ mã nguồn mở UMN Mapserver, Openlayers và xây dựng công cụ hiển thị WebGIS để theo dõi được sự khác biệt, thay đổi trong công tác quản lý, sử dụng đất của Hà Nội. Nghiên cứu tích hợp các dữ liệu dạng số và dữ liệu thống kê được thu thập trong những năm gần đây. Kết quả đã thành lập được một WebGIS cung cấp các chức năng hiển thị và quan sát dự thay đổi sử dụng đất tại Hà Nội, qua đó ta sẽ quan sát và thấy rõ hơn về sự biến động sử dụng đất của thành phố qua các thời kì

Từ khoá: WebGIS, biến động sử dụng đất

Opensource WebGIS for landuse change management in Ha Noi

*Student: Nguyen Tien Dat, K57 Physical Geography
Supervisor: Dr. Bui Quang Thanh, Faculty of Geography*

Lansuse planning, land allocation and land use change monitoring are one of the urgent demands for socio-economic development of Hanoi. This research studied the changes of land uses of Hanoi over the past several years. It employed open source technologies namely UMN MapServer, OpenLayers and built tools to track differences in land use between time periods in Hanoi. The study used digital data and statistical data collected in recent years. The result is a WebGIS providing tools to display changes of land use plans in Hanoi, through which we can observe volatility of land use planning of the city.

Keywords: Land use change, WebGIS



7. Nghiên cứu ứng dụng WebGIS hỗ trợ cung cấp và tìm kiếm thông tin thuê nhà tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Phạm Tiến Đạt, Nguyễn Hồng Xuyên, K56 Công nghệ Địa chính,
Lê Thị Trang, K57 Quản lý đất đai
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, Khoa Địa lý*

Với sự mở rộng của đô thị hiện nay, nhu cầu cho thuê nhà và nhu cầu thuê nhà đang ngày càng trở lên cấp thiết, đặc biệt là tại các khu vực có đông học sinh, sinh viên đi học xa nhà; người lao động ngoại thành, ngoại tỉnh như ở địa bàn Hà Nội. Người cho thuê khó có thể quảng bá thông tin của mình tới các đối tượng có nhu cầu thuê nhà, trong khi đó, đối tượng có nhu cầu thuê nhà gặp khó khăn khi muốn có được thông tin đầy đủ để lựa chọn được nhà cho thuê phù hợp với điều kiện làm việc, học tập, sinh hoạt của mình. Nhằm góp phần giải quyết các vấn đề này, nhóm nghiên cứu đã đưa ra giải pháp ứng dụng công nghệ WebGIS để hỗ trợ cung cấp và tìm kiếm thông tin thuê nhà cho các bên có liên quan. Đề tài đã xây dựng một hệ thống WebGIS thử nghiệm cho phường Nhân Chính cho phép cập nhật, quản lý, sử dụng, phân tích dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian về nhà cho thuê và các đối tượng liên quan; hiển thị các kết quả của các ứng dụng trên hệ thống WebGIS cùng bản đồ khu vực trong trình duyệt Web. Hệ thống WebGIS nêu trên đi vào hoạt động sẽ tiết kiệm thời gian tìm thuê nhà và thời gian tìm người thuê nhà; giúp người đi thuê nhà tìm được nhà cho thuê phù hợp nhất nhất với các tiêu chí họ đặt ra; làm tăng tính cạnh tranh, minh bạch của thị trường cho thuê nhà.

Từ khóa: WebGIS, thông tin thuê nhà.

Application of WebGIS in providing and searching tenancy information in Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

*Students: Pham Tien Dat, K56 Land Administration
Nguyen Hong Xuyen, K56 Land Administration
Le Thi Trang, K57 Land Administration
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Tran Quoc Binh, Faculty of Geography*

Currently, with the expansion of urbanization, the demands for house renting are becoming more urgent, especially, in areas with a large number of students, workers from outside, such as Hanoi. Landlords have difficulties in publishing rental information to tenants, meanwhile the tenants hardly find full information on house renting to select the most suitable for them. In order to contribute in resolving this problem, the authors have proposed an prototype of WebGIS application, that supports for providing and searching tenancy information for stakeholders in house renting market. The application allows to update, manage, utilize, analyze attributive and spatial data on house renting for its users. The WebGIS system, once go into operation, will help to save time in seeking house renting information, and thus help the potential tenants in finding the most suitable house for them, contributing in making the house rental market more competitive and transparent.

Keywords: WebGIS, tenancy information.



8. Nghiên cứu chất lượng cuộc sống tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội

*Sinh viên: Tạ Thùy Dương, Bùi Thị Hương Thu, Trần Thị Cẩm Thu,
Nguyễn Thị Hoài Thương, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý*

Với bất kỳ quốc gia và vùng lãnh thổ nào, mục tiêu cuối cùng của sự phát triển kinh tế, xã hội là nâng cao chất lượng cuộc sống. Thông qua những con số về kinh tế, xã hội, ta có thể đánh giá được những đặc điểm về kết cấu kinh tế, xã hội tại khu vực nghiên cứu trong những năm gần đó. Qua đó, đưa ra định hướng cụ thể nhằm phát triển kinh tế, ổn định xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xã Kim Chung, huyện Đông Anh là một xã có nhiều biến động về đời sống kinh tế, xã hội. Trong những năm gần đây, việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp đã làm biến đổi cuộc sống một bộ phận lớn dân cư, thay đổi cơ cấu kinh tế và tập quán sản xuất của vùng. Vì vậy, chúng em chọn đề tài: “Nghiên cứu chất lượng cuộc sống dân cư tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh. Hà Nội” với mục tiêu tìm hiểu đời sống nhân dân khi phát triển các hoạt động công nghiệp. Trong quá trình tìm hiểu, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: tổng hợp-phân tích-xử lý tư liệu, phương pháp bản đồ-viễn thám và GIS, phương pháp khảo sát thực địa, điều tra nhanh nông thôn. Kết quả nghiên cứu đã xem xét, đánh giá hiện trạng chất lượng cuộc sống dân cư trong xã và đề xuất một số biện pháp để nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Từ khóa: *Chất lượng cuộc sống, công nghiệp hóa, Kim Chung*

Studying quality of life in Kim Chung commune, Dong Anh district, Hanoi

*Student group: Ta Thuy Duong, Bui Thi Huong Thu, Tran Thi Cam Thu,
Nguyen Thi Hoai Thuong, K57 Physical Geography
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Dinh Van Thanh, Faculty of Geography*

Improving the quality of life is the ultimate goal of economic development in any country, Through the socio-economic data, the characteristics of economy and society in the study area can be recognized. That allow us to propose solutions for improving quality of life. Kim Chung commune, Dong Anh district is in the process of urbanization and industrialization. The economic structure and local livelihood are changing due to conversion of land use from agricultural land to industrial land. The project entitled “studying quality of life in Kim Chung commune, Dong Anh district, Hanoi” was selected in order to assess the transformation of quality of life due to industrialization. Some methods were applied to carry out the research such as data processing, remote sensing and GIS, field survey and interview .The results indicated the current state of quality of life of local people and proposed solutions to improve the quality of life for local people.

Keywords: Quality of life, industrialization, Kim Chung



9. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở đô thị, trường hợp nghiên cứu: quận Long Biên - thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Bùi Hương Giang, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: KS. Phạm Sỹ Liêm, Khoa Địa lý*

Hiện nay, cầu về đất ở đô thị của con người ngày càng tăng cao nên quỹ đất ở đô thị được chú ý quan tâm nhưng giá đất thường xuyên biến động do chịu tác động của nhiều yếu tố. Bên cạnh đó, công tác định giá đất còn gặp nhiều hạn chế. Vì vậy, đề tài nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở đô thị nhằm xác định cụ thể các hệ số ảnh hưởng đến giá đất để từ đó giúp cho công tác định giá đất đạt được sự chính xác hơn, sát với giá thị trường. Đề tài sử dụng các phương pháp: phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp được sử dụng để thu thập các thông tin về đặc điểm địa bàn nghiên cứu và thu thập các văn bản pháp luật về đất đai có liên quan do Nhà nước ban hành; phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp là thu thập ý kiến của các chuyên gia và người dân về các vấn đề liên quan đến đề tài bằng phiếu điều tra. Hơn nữa đề tài còn sử dụng phương pháp phân tích tương quan và hồi quy dùng để tìm mức độ tác động của các yếu tố đến giá đất bằng phần mềm SPSS. Các kết quả đạt được: Đưa ra được mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở đô thị có thể áp dụng tại Hà Nội, xác định mức độ tác động của các yếu tố đến giá đất và đề xuất một số giải pháp.

Từ khóa: giá đất, hồi quy, yếu tố tác động đến giá đất

The study of factors affecting price of urban land: a case study in Long Bien district - Hanoi city

*Student: Bui Huong Giang, K56 Land Administration
Supervisor: BSc. Pham Sy Liem, Faculty of Geography*

Nowaday, the demand for urban residential land is increasing and fund of land should be noted interest but land prices often fluctuate and affected by many factors. Besides, the valuation of land faces many restrictions. Therefore, the research focuses on the factors affecting the price of urban land in order to identify specific coefficients affecting the price of land from which serve for the valuation of land to achieve more precise, close to market price. The research topic uses some methods: methods of collecting secondary data which is collected information on the characteristics of the study area and collected the legal documents related to land; methods of collecting primary data which is collected the opinions of experts and citizens by using the questionnaires. Besides, the research use correlation and regression analysis to find the impact of these factors on the price of land by SPSS software. The results: Giving model factors affecting urban land price can be applied in Hanoi, determine the impact of these factors on the price of land and propose some solutions.

Keywords: land price, regression, factors affecting land price



10. Nghiên cứu xác định hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng đất đai dựa trên mô hình Áp lực - Hiện trạng - Đáp ứng (PSR) tại huyện Văn Chấn, Yên Bái

*Sinh viên: Đặng Thị Hương Giang, Đặng Thị Tuyết Lê, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý*

Quản lí đất đai bền vững hướng tới cân đối các cơ hội kinh tế, xã hội và môi trường cho lợi ích hiện tại và tương lai. Để quản lí đất đai một cách hiệu quả, bền vững, cần phải xác lập một hệ thống giám sát, đánh giá, phân tích và dự báo trên cơ sở phân tích định lượng. Đề tài sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu và điều tra xã hội học dựa trên mô hình Áp lực – Hiện trạng – Đáp ứng để xây dựng hệ thống chỉ tiêu chất lượng đất đai cho đất dốc tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Các dữ liệu thu thập được xử lí bằng phương pháp phân tích định lượng, phân tích chi phí – lợi ích, bản đồ và hệ thông tin địa lý. Các kết quả nghiên cứu chính của đề tài bao gồm: (i) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu chất lượng đất đai cho một khu vực tại Việt Nam; (ii); Xây dựng bản đồ chất lượng đất đai phục vụ đánh giá tiềm năng và định hướng dài hạn sử dụng đất; (iii) Phân tích chi phí – lợi ích loại hình sử dụng đất, đánh giá hiệu quả loại hình sử dụng đất dựa trên chất lượng đất đai; (iv) Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lí đất đai, hỗ trợ công các quy hoạch, sử dụng đất trong tương lai. Các kết quả cho thấy xây dựng các chỉ tiêu chất lượng đất đai có vai trò quan trọng trong phản ánh tiềm năng đất đai cho từng mục đất sử dụng của con người.

Từ khóa: chỉ tiêu chất lượng đất đai, mô hình Áp lực – Hiện trạng – Đáp ứng, quy hoạch sử dụng đất dốc, phân tích chi phí – lợi ích, tri thức bản địa

Development land quality indicator system based on pressure - state - response (PSR) model in Van Chan district, Yen Bai province

*Students: Dang Thi Huong Giang, Dang Thi Tuyen Le, K56 Land Administration
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Nguyen An Thinh, Faculty of Geography*

Sustainable land management harmonizes economic and social opportunities for the benefit of present and future generations. Setting a quantitative system of monitoring, assessing, analyzing and forecasting is needed for effective land management. This study developed a steep land quality indicator system for Van Chan district, Yen Bai province, with data synthesized from documents and social survey based on PSR model. Collected data processed by quantitative analysis, cost benefit analysis, mapping and geographic information system. The report results include: (i) Developing land quality indicators in a study area in Vietnam. (ii) Creating land quality maps aims at assessing the potential of land and orienting land use effectively. (iii) Using benefit cost analysis method to assessment of land utilization types effect. (iv) Giving solution of improving land qualities and supporting land use planning. The report showed that development of land quality indicator system is needed for reflecting the potential of individual land utilization type.

Keywords: land quality indicators, pressure – state – response model, steep land planning, cost- benefit analysis, indigenous knowledge



11. Môi quan hệ giữa đô thị hóa với phát triển dân số và kinh tế - xã hội tại thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

*Sinh viên: Bùi Thị Hằng, Nguyễn Hồng Ngọc, Trần Thị Oanh, Nguyễn Thị Tuyết,
K57 Địa lý tự nhiên*

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý

Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đang trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ làm thay đổi nhiều mặt đời sống kinh tế-xã hội của địa phương. Nhóm tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu “Mối quan hệ giữa đô thị hóa với phát triển dân số và kinh tế-xã hội tại thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên” nhằm đánh giá những tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến lĩnh vực dân số và kinh tế-xã hội. Từ đó đề tài kiến nghị những giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực và hạn chế những tiêu cực của quá trình đô thị hóa. Đề tài đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như tổng hợp-phân tích-xử lý dữ liệu, khảo sát thực địa, điều tra xã hội học.

Từ khóa: Đô thị hóa, dân số, kinh tế – xã hội, Lương Bằng

The relationship between urbanization and development of population and socio - economic at Luong Bang town, Kim Dong district, Hung Yen province

*Students: Bui Thi Hang, Nguyen Hong Ngoc, Tran Thi Oanh, Nguyen Thi Tuyet
K57 Physical Geography*

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Dinh Van Thanh, Faculty of Geography

Luong Bang town, Kim Dong district, Hung Yen province is in the process of urbanization that alters many aspects of socio-economics. The project entitled “The relationship between urbanization and development of population and socio-economic at Luong Bang town, Kim Dong district, Hung Yen province” has been selected in order to assess the positive and negative impacts of urbanization on population and socio-economic development. We also propose some solutions to promote the positive impacts and minimize negative impacts of urbanization. In this research, some methods were applied

such as data processing, field survey, interview,...

Keyword: Urbanization, population, socio - economic development, Luong Bang town



12. Lượng giá một số cảnh quan tự nhiên và cảnh quan văn hóa cụm xã Na Hối - Tà Chải và thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, Lào Cai

*Sinh viên: Bùi Mai Hương, Đỗ Ngọc Mai, Lê Thị Kim Anh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý*

Nghiên cứu được thực hiện tại khu vực cụm xã Na Hối - Tà Chải và thị trấn Bắc Hà thuộc huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai - nơi có các cảnh quan tự nhiên và cảnh quan văn hóa đặc sắc đang được khai thác cho mục đích du lịch. Cảnh quan được coi như là vốn tự nhiên của sinh kế con người, cung cấp nhiều hàng hoá, dịch vụ có giá trị quan trọng về sinh thái, kinh tế và xã hội. Lượng giá cảnh quan hoặc lượng giá dịch vụ cảnh quan bao gồm quy trình, phương pháp và kỹ thuật nhằm xác định bằng giá trị tiền tệ các dịch vụ và hàng hoá ấy. Trong nghiên cứu này, cảnh quan được hiểu là các di sản và giá trị của chúng xuất phát từ nhu cầu tìm kiếm các giá trị văn hoá – lịch sử, yêu cầu giải trí – du lịch trong khu di sản của con người. Phương pháp lượng giá cảnh quan có nguồn gốc từ kinh tế môi trường và kinh tế sinh thái, sử dụng đồng thời các kỹ thuật kinh tế và phi kinh tế cho phép xác định giá trị tiền tệ của ba nhóm giá trị quan trọng là giá trị sinh thái, giá trị văn hoá – xã hội và giá trị kinh tế. Kết quả lượng giá là cơ sở quan trọng để so sánh các phương án quy hoạch, ra quyết định sử dụng đất và bảo vệ môi trường tại khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: lượng giá cảnh quan, di sản tự nhiên - văn hoá, kinh tế môi trường

Cultural and natural landscape valuing in Na Hoi, Ta Chai communes and Bac Ha town, Bac Ha district, Lao Cai province

*Students: Bui Mai Huong, Do Ngoc Mai, Le Thi Kim Anh, K56 Geography
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Nguyen An Thinh, Faculty of Geography*

The communes of Na Hoi - Ta Chai, and Bac Ha town in Bac Ha district, Lao Cai province are selected as the study site for their remarkable natural and cultural landscape which are fundamental for the tourism development here. Landscape is regarded as the natural capital of human livelihoods, providing goods and services which are of important ecological, economic and social value. Valuing landscape or services includes procedures, methods and techniques to determine their monetary value. In this study, the landscape is considered as the heritage whose value originates from the need to look for the value of cultural - historical, entertaining- tourism requirements in the human heritages. Methods of Valuing landscape method is developed from environmental and ecological economics, at the same time, it applied economic and non-economic techniques allowing it to verify the monetary value of the three important value groups which are ecological, cultural values - social and economic values. The valuing results is of important basis for comparing planning, land use decisions and environmental protection in the study area.

Keywords: valuing landscape, valuing cultural heritage



13. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dồn điền đổi thửa phục vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Chu Thị Ngọc Hồng, Nguyễn Thị Nhung, Quách Minh Phương, Phi Phương Trang,
K57 Quản lý đất đai
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Văn Tuấn, Khoa Địa lý*

Hiện nay, nền kinh tế của nước ta đang trong xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH - HĐH), trong đó CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn được ưu tiên hàng đầu. Một trong những giải pháp để đẩy nhanh CNH - HĐH nông nghiệp là thực hiện công tác dồn điền đổi thửa. Dồn điền đổi thửa từ lâu đã xác định là một trong những chìa khoá then chốt để tái cơ cấu, HĐH nông nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân và còn là bước không thể thiếu giúp hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: hỗ trợ quy hoạch thủy lợi, giao thông nội đồng, đưa cơ giới hoá vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp,... Để đánh giá thực trạng công tác dồn điền đổi thửa ở xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, đề tài đã thu thập tài liệu, số liệu và tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả trước và sau dồn điền, đổi thửa tại xã. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Một số thôn trong xã đã thực hiện tương đối tốt với hiệu quả dồn điền đổi thửa cao; Một số thôn vẫn chưa hoàn thành mục tiêu và đang trong giai đoạn tiến hành, đồng thời cũng còn một số tồn tại cần giải quyết. Báo cáo đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dồn điền, đổi thửa và khắc phục tồn tại.

Từ khoá: dồn điền đổi thửa, nông thôn mới

Evaluating the real situation and proposing solutions for improving the efficiency of consolidation for rural development in Chang Son commune, Thach That district, Ha Noi city

*Students: Chu Thi Ngoc Hong, Nguyen Thi Nhung, Quach Minh Phuong, Phi Phuong Trang,
K57 Land Administration
Supervisor: Assoc.Prof.Dr. Tran Van Tuan, Faculty of Geography*

Currently, the economy of our country has been in the global integration, which promotes industrialization - modernization, especially, industrialization - modernization of agriculture and rural development is a top priority. One of the solutions which accelerate industrialization - modernization of agriculture is the consolidation. Consolidation has been as one of the critical key to restructure and modernize agriculture, improve the quality of life of farmers and also an indispensable step to complete the national targeting program for new rural construction: supporting irrigation planning, internal traffic, put into production mechanization, restructuring agricultural land use,... To evaluate the real situation of the consolidation in Chang Son commune, Thach That district, booklets and data were collected and analysed and the effects before and after the consolidation also were noted. The results showed that: Some villages in the commune have done relatively well with the high efficiency of consolidation; Some villages have not still reached their objectives and some problems have not also solved. The report proposes some measures to

improve the efficiency of the consolidation and solve their problems.

Keywords: consolidation, rural development



14. Đánh giá tính nhạy cảm trước lũ lụt của người dân xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh

*Sinh viên: Mai Thị Hương, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, Khoa Địa lý
CN. Đặng Hữu Liệu, Khoa Địa lý*

Xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh là một trong những xã hằng năm phải chịu nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, rét đậm, rét hại, xâm nhập mặn... Trong đó, lũ lụt là loại hình thiên tai thường xuyên đe dọa cuộc sống của người dân và sự phát triển kinh tế - xã hội. Nó đã để lại hậu quả hết sức nặng nề cả về người và của. Đề tài đã sử dụng lý thuyết về tính dễ bị tổn thương cùng với các phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp nghiên cứu trong địa lý để làm rõ vấn đề. Các kết quả nghiên cứu chính của đề tài bao gồm: (1) Thực trạng lũ lụt tại khu vực nghiên cứu. (2) Đánh giá được tác động của lũ lụt đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu. (3) Chỉ số nhạy cảm của người dân xã Yên Hồ dưới tác động của lũ lụt.

Từ khóa: Tính nhạy cảm, lũ lụt, Yên Hồ

Sensitive assessment of people in Yen Ho commune, Duc Tho district, Ha Tinh province under flood impacts

*Student: Mai Thi Huong, K56 Geography
Supervisors: Dr. Nguyen Thi Ha Thanh, Faculty of Geography
BSc. Dang Huu Lieu, Faculty of Geography*

Yen Ho commune is one of the considerable areas affected by several natural disasters, such as storm, flood, drought, salinization. In particular, the flood is one of the most frequent disasters which strongly threatening the livelihood of people and the local socio-economic development. It has caused serious consequences in terms of human and facilities. This paper applies the theory of vulnerability, using sociological investigation method to firstly clarify the sensitive index of local people to flood in Yen Ho commune. The main findings of this study include: (1) Flood situation in the study area. (2) Assess the impact of floods on the agricultural activities in the study area. (3) The sensitive indicators of local people in Yen Ho commune under flood impacts.

Keywords: Sensitive index, vulnerability, flood, Yen Ho commune



15. Xác định các mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo các tiểu vùng cảnh quan tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Sinh viên: Nguyễn Thị Hương, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: GS.TS. Nguyễn Cao Hoàn, Khoa Địa lý
ThS. Đặng Thị Ngọc, Khoa Địa lý

Là một đơn vị hành chính tiền tiêu của đất nước, huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo an ninh chủ quyền quốc gia trên biển, đồng thời có nhiều điều kiện để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Tuy nhiên, diện tích đảo nhỏ (khoảng 10km²), mật độ dân số lại khá cao (2.091 người/km², năm 2013), cùng với việc khai thác tài nguyên tự phát, thiếu quy hoạch nên đã gây ra nhiều hậu quả môi trường (suy giảm đa dạng sinh học, thoái hóa đất, sạt lở bờ biển, khan hiếm tài nguyên nước,...) Quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên đảo cũng đã nảy sinh nhiều bất cập. Vì vậy, xác định mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường tại huyện đảo Lý Sơn là hết sức cần thiết. Mục tiêu nghiên cứu: xác định các mâu thuẫn trong khai thác sử dụng tài nguyên và xếp hạng mâu thuẫn theo các tiểu vùng cảnh quan là cơ sở khoa học cho sử dụng hợp lý tài nguyên, bố trí hợp lý các ngành sản xuất và bảo vệ môi trường huyện đảo Lý Sơn. Phương pháp nghiên cứu: i) Phương pháp tổng quan và phân tích tài liệu; ii) Phương pháp khảo sát thực địa và điều tra xã hội học: đề tài đã khảo sát thực địa trên toàn bộ đảo Lớn và đảo Bé của Lý Sơn vào tháng 1/2015; sử dụng phiếu điều tra phỏng vấn 200 cư dân địa phương và 8 cán bộ quản lý để xác định ảnh hưởng tiêu cực giữa các hoạt động sản xuất tại huyện đảo Lý Sơn; iii) Phương pháp toán học: xử lý các phiếu điều tra để xếp hạng mâu thuẫn; iv) Phương pháp bản đồ và GIS để thành lập bản đồ phân vùng cảnh quan và bản đồ mâu thuẫn. Kết quả của đề tài: xác định và xếp hạng mức độ các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên, đề xuất những giải pháp giảm thiểu mâu thuẫn. Đây là cơ sở khoa học cho các nhà quản lý địa phương có những định hướng phù hợp cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

Từ khóa: Lý Sơn, mâu thuẫn, sử dụng tài nguyên, cảnh quan

Determination of conflict in the exploitation, use of resources and environmental protection according to landscape in Ly Son island district, Quang Ngai province

Student: Nguyen Thi Huong, K56 Geography
Supervisors: Prof. Dr. Nguyen Cao Huan, Faculty of Geography
MSc. Dang Thi Ngoc, Faculty of Geography

As an administrative unit outpost of Viet Nam, Ly Son island district plays an important role in protecting the national security and sovereignty over sea, at the same time, it has convenient characteristics for developing socio-economics. However, the island has a small area of approximately 10 km², and the high population density of 2.091 persons/km² (2013), in addition to the unplanning exploitation of natural resources in the island, that lead to various environmental problems (biodiversity, land degradation, coastal erosion, scarce water resources...). Therefore, identifying the conflict in the natural resources exploitation and use and environmental protection in Ly Son island district is essential. The study objectives are to identify conflicts in resource utilization and orderly categorize them in order for each sub-regional landscape, which is a scientific basis for the rational use of natural resources, reasonable planning of productions and environmental

protection in Ly Son island district. Four major methods used in the study include: i) Data synthesis and literature review; ii) Fieldwork and sociological surveys over the Big Island and Small Island of Ly Son in May 1/2015, interviewing 200 local residents and 8 officers to identify negative effects among manufacturing processes in Ly Son island district; iii) statistically analyzing interviewed data for sorting conflict order; iv) Mapping and GIS to establish the landscape region map and conflict maps. The study has resulted in identifying and ranking contradiction degree arise in the process of resource exploitation and use. This is the scientific basis for the management of local orientation suitable for economic development - social, and environmental protection.

Keywords: Ly Son, conflicts, resource use, landscape



16. Áp dụng các nguyên tắc sinh thái cảnh quan trong kiến trúc không gian xanh và không gian mở dải đô thị Nguyễn Trãi - Hà Đông

*Sinh viên: Nguyễn Thị Hào, Cao Thị Hiền, Nguyễn Thị Quỳnh, Trần Thị Mỹ Linh,
K57 Địa lý tự nhiên*

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý

Nghiên cứu này được thực hiện trong bối cảnh Hà Nội đang hướng tới sự phát triển thành một đô thị xanh và bền vững, các giải pháp quy hoạch và kiến trúc cảnh quan hợp lý đóng vai trò quan trọng. Phạm vi không gian nghiên cứu là dải đô thị Nguyễn Trãi - Hà Đông. Đối tượng quy hoạch được xác định bao gồm hành lang giao thông (đường sắt trên cao Cát Linh-Hà Đông), hành lang sông (sông Tô Lịch và sông Nhuệ), hành lang cây xanh và các không gian xanh và không gian mở. Các sản phẩm nghiên cứu bao gồm: (i) bản đồ sinh thái cảnh quan dựa trên mô hình PCM; (ii) bản đồ định hướng kiến trúc không gian xanh và không gian mở dựa trên các nguyên lý sinh thái cảnh quan; (iii) mô hình kiến trúc cảnh quan 3D cho đối tượng quy hoạch, bao gồm khu đô thị Royal, dòng sông, không gian nhà ở khu dân cư, đường giao thông, không gian cây xanh tuyến đường chính, lối đi dạo ven sông, không gian cây xanh ven sông, hệ thống xử lý nước thải, không gian cây xanh tại khu dân cư; (iv) mô hình không gian thực cho khu vực Ngã Tư Sở. Các kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp luận cứ khoa học cho quy hoạch chung của thành phố Hà Nội.

Từ khóa: sinh thái cảnh quan, kiến trúc, không gian xanh, không gian mở, dải đô thị Nguyễn Trãi - Hà Đông

An application of landscape ecology principles for green space and open space architecture in Nguyen Trai - Ha Dong urban area

*Students: Nguyen Thi Hao, Cao Thi Hien, Nguyen Thi Quynh, Tran Thi My Linh,
K57 Physical Geography*

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Nguyen An Thinh, Faculty of Geography

This study has been conducted in the context of Hanoi city with the vision of developing into a green and sustainable city, therefore, reasonable planning and landscape architecture play an important role in this development. The spatial scope of the study is the corridor of Nguyen Trai - Ha Dong urban area. Planning objects include the traffic corridor (Cat Linh-Ha Dong elevated railway), the river corridor (the To Lich River and

Nhue River), green corridor of street trees, green spaces and open space. Study results include: (i) landscape ecology map based on PCM model; (ii) planning map of green and open space; (iii) 3D landscape model of the planning objects including the Royal urban area, the river, residential areas, roads, green tree in main streets, walking path on the riverside, the riverside green trees, wastewater treatment system, green space in residential area; (iv) real time model for Nga Tu So area. Results of this study is considered as the scientific base for the master plan of Hanoi.

Keywords: landscape ecology, architect, green space, open space, Nguyen Trai - Ha Dong urban area



17. Vận dụng lý thuyết đường cong Loren để phân tích mối quan hệ trong phân bố dân cư thành thị và nông thôn ở huyện Đông Anh.

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Duy Khánh, Vũ Thị Trang, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý

Quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở các vùng ven đô của Hà Nội kéo theo sự phân hóa giữa khu vực dân cư thành thị và nông thôn. Trước tình hình ấy, việc nghiên cứu đặc điểm phân bố dân cư ở các vùng ven đô là cần thiết. Đề tài đã lựa chọn huyện Đông Anh để nghiên cứu thí điểm. Phương pháp đường cong Loren được áp dụng để đánh giá sự chênh lệch về mối quan hệ giữa dân cư thành thị và nông thôn.

Từ khóa: Thành thị, nông thôn, đô thị hóa, đường cong Loren

Application of Lorenz curve to analyze the relationship of population distribution in urban and rural areas of Dong Anh district

Student group: Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Thi Huyen Trang, Nguyen Thi Quynh, Nguyen Duy Khanh, Vu Thi Trang, K57 Physical Geography
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Dinh Van Thanh, Faculty of Geography

Suburban areas of Hanoi is in the process of urbanization that make the differences in population distribution between urban and rural areas. In that situation, studying the characteristics of population distribution is necessary. Dong Anh district was selected as a case study. Lorenz curve method was applied to assess the differences in population distribution between urban and rural areas.

Keywords: Urban, rural, urbanization, Lorenz curve



18. Nghiên cứu những tác động chính của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tại khu vực miền Trung Việt Nam

Sinh viên: Nguyễn Bảo Khánh, Hoàng Bích Ngán, Nguyễn Thị Thanh, Cù Thị Phương Thảo, Trịnh Thị Mai Hương, K56 Địa chính
Cán bộ hướng dẫn: TS. Mẫn Quang Huy, Khoa Địa lý

Biến đổi khí hậu đã và đang tác động mạnh mẽ và gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, ở các khu vực ven biển luôn phải đối mặt với các rủi ro các tai biến thiên nhiên như ngập lụt bão, hạn hán, xâm nhập mặn tác động tới các hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Nhận thức được những tác động và hệ lụy của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản có ý nghĩa quan trọng đối với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở sử dụng phương pháp điều tra thu thập số liệu, khảo sát thực địa, phân tích và thống kê. Kết quả nghiên cứu này đánh giá và phân tích được tác động của bão lũ, xâm nhập mặn đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở một số địa phương thuộc khu vực ven biển miền trung Việt Nam, đồng thời đã đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, sử dụng đất nông nghiệp và thủy sản, miền trung Việt Nam

The effects of climate change to agricultural production and aquaculture in the Central Region of Vietnam

Students: Nguyen Bao Khanh, Hoang Bich Ngan, Trinh Thi Mai Huong, Nguyen Thi Thanh, Cu Thi Phuong Thao, K56 Land Administration
Supervisor: Dr. Man Quang Huy, Faculty of Geography

Climate change is one of the biggest challenges for human life, with strong impact on several aspects of socio-economic of people all over the world. Vietnam is rated as one of the countries most severely affected by climate change, where coastal areas are frequently faced the risk from diversified natural disasters, such as floods and storms, drought, salinization, particularly on agricultural activities and aquaculture. Raising aware and good conceptions about the impacts of climate change on agriculture and aquaculture is necessary for the socio-economic development this region. The study applies some methods, such as: data collection, statistical analyses, and fieldwork, in order to obtain two main results: analyzing the impact of flooding, saltwater intrusion on agriculture, aquaculture in some localities in the central coastal region of Vietnam, then proposing solutions to improving the efficiency of agricultural production and aquaculture under the adaptation to climate change.

Keywords: Climate change, agriculture and aquaculture land use change, Central Region of Vietnam



19. Nghiên cứu tính minh bạch trong thị trường bất động sản Việt Nam qua đó đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng thị trường bất động sản lành mạnh

*Sinh viên: Nguyễn Lê Diệu Linh, K56 Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: CVC. Phạm Minh Đức*

Thị trường bất động sản (TTBĐS) là một trong những thị trường quan trọng của nền kinh tế thị trường vì liên quan trực tiếp tới một lượng tài sản lớn cả về quy mô, tính chất cũng như giá trị trong nền kinh tế quốc dân. Có nhiều nguyên nhân tạo ra những diễn biến bất thường của thị trường bất động sản trong đó sự thiếu thông tin, thông tin không minh bạch về các nguồn cung làm gia tăng tình trạng đầu cơ, lừa đảo, đẩy giá bất động sản lên cao. Hiện nay, rất nhiều thông tin về bất động sản không được thông báo chính xác, làm cho không ít người mua bị lừa, có nhiều trường hợp dẫn đến mất tiền, thiệt hại nặng; nhiều trường hợp phải thưa kiện kéo dài. Thông tin thị trường bất động sản thiếu minh bạch, Nhà nước cũng gặp rất nhiều khó khăn trong quản lý nguồn thu từ thuế. Với thực trạng đó, đề tài nghiên cứu với mục tiêu là đánh giá thực trạng về sự minh bạch thông tin của TTBĐS Việt Nam, qua đó có thể tìm ra nguyên nhân để đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao tính minh bạch của TTBĐS Việt Nam hiện nay. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của đề tài là phương pháp thu thập và phân tích thông tin về tình trạng cung cấp các thông tin liên quan đến BĐS, mức độ hiểu biết và tiếp xúc với thông tin tại các sàn giao dịch BĐS. Các kết quả đạt được: Tìm hiểu thực trạng minh bạch của TTBĐS, tiến hành khảo sát trên một số địa bàn, đưa ra cái nhìn tổng quát về thực trạng của minh bạch trong BĐS, trên cơ sở những bất cập của thực trạng này để xuất các giải pháp cải thiện TTBĐS trong sáng, lành mạnh và ngày càng hoàn thiện.

Từ khóa: tính minh bạch, thị trường bất động sản

Studies of transparency in Vietnam real estate market and solutions to raise the efficiency of the market

*Student: Nguyen Le Dieu Linh, K56 Land Administration
Supervisor: Pham Minh De*

Real estate market is one of the most crucial market in the economy on the grounds that it relates to a large amount of scale, property, and good value. There are many reasons leading to abnormal happenings of this market. On top of that, either the lack of information or unclear information of supply has posed an increasing number of speculation and defraudation through underground transactions. Part of the problem is that because of the undisclosed real estate and property information, many individuals and businesses have to suffer loss even some of them are on verge of going bankrupt. People buying houses on paperwork are the easiest ones can lose money when they do not have enough or proper reasons to sue for. At the same time, the government will have difficulties in controlling tax. My report aims to asses the situation of transparency in Vietnam real estate market and help raise the efficiency of the market. Research methods include: collecting and analyzing information of real estate in terms of the know-how and approaching real estate information of buyers and sellers on real estate exchanges. Achieved results: generalize the fact of Vietnam's transparency in real estate market, put forward a great many ideas to raise the transparency of domestic market to an international standard.

Keywords: transparency, real estate market



20. Nghiên cứu đặc điểm phân bố dân cư gắn với quá trình đô thị hóa ở khu vực Mỹ Đình - Hà Nội

*Sinh viên: Nguyễn Thúy My, Vũ Thị Như Yến, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Đinh Văn Thanh, Khoa Địa lý*

Quá trình đô thị hóa có liên quan chặt chẽ với những biến động về dân số, cũng như sự hình thành và phát triển khu dân cư đô thị. Đề tài này được thực hiện với mục tiêu chính là làm rõ sự phân bố dân cư đặc trưng của Mỹ Đình - điểm dân cư đô thị mới hình thành và phát triển của thành phố Hà Nội trong hơn chục năm trở lại đây - trong quá trình đô thị hóa. Với các phương pháp chính như điều tra xã hội học, phân tích và thống kê, đề tài đạt được những kết quả sau: khái quát cơ sở lý luận về biến động dân số, phân bố dân cư và những tác động của đô thị hóa đến các quá trình này; chỉ ra hiện trạng phân bố dân cư gắn với quá trình đô thị hóa và từ đó đề xuất những giải pháp cho việc phát triển dân số hợp lý ở khu vực Mỹ Đình – Hà Nội.

Từ khóa: Đô thị hóa, đặc điểm phân bố dân cư, Mỹ Đình

Research on population distribution under the urbanization of My Dinh area, Hanoi City

*Students: Nguyen Thuy My, K57 Physical Geography
Vu Thi Nhu Yen, K57 Physical Geography
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Dinh Van Thanh, Faculty of Geography*

The process of urbanization is closely related to either population changes or shaping and developing urban areas. In this paper, we aim to clarify typical characteristics of population distribution of My Dinh area - the new formed urban area of Hanoi - during its urbanization. By applying methods of human geographers, especially social investigation, statistics and analysis, the research has 3 main results: generalizing theoretical basics of population changes, population distribution and the impacts of urbanization on them; identifying population changes, as well as characteristics of population distribution in My Dinh area, in association with the urbanization; last but not least, proposing solutions to manage the process of population growth in My Dinh area.

Keywords: Urbanization, population distribution, My Dinh area



21. Xác định dấu chân sinh thái, dấu chân Cacbon và dấu chân nước cư dân đô thị nội thành Hà Nội (Lấy ví dụ khu vực Kaengnam - Lê Văn Lương)

*Sinh viên: Nguyễn Hồng Ngọc, Trần Thị Oanh, Nguyễn Thị Tuyết, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý*

Lý do chọn đề tài là muốn xác định giá trị cụ thể của mức độ tiêu thụ năng lượng và lượng chất thải thải ra môi trường của cư dân trong khu vực nghiên cứu. Đề tài đặt ra mục tiêu nghiên cứu là xác định dấu chân sinh thái, dấu chân carbon, dấu chân nước của từng khu. Các bước nghiên cứu bao gồm: (i) Lập phiếu điều tra dấu chân sinh thái, dấu chân

carbon, dấu chân nước để thu thập số liệu; (ii) tiến hành phỏng vấn thực tế. Số lượng phiếu thu được là 150 phiếu. Kết quả nghiên cứu bao gồm: (i) Sử dụng phần mềm MapInfo để đưa ra bản đồ phân khu; bản đồ giá trị dấu chân sinh thái, dấu chân carbon, dấu chân nước của các khu (đô thị, đô thị mới, dân cư) trong khu vực nghiên cứu; (ii) Đánh giá được mức tiêu thụ tài nguyên, lượng chất thải thải ra môi trường của các khu, giải thích nguyên nhân và đưa ra giải pháp giảm thiểu dấu chân sinh thái, dấu chân carbon, dấu chân nước ở khu có giá trị các dấu chân cao. Các kết quả nghiên cứu là cơ sở đưa ra định hướng và giải pháp cho đô thị hóa bền vững. Có thể áp dụng phương pháp này tính toán cho các khu đô thị khác trong lãnh thổ Việt Nam.

Từ khóa: dấu chân sinh thái, dấu chân Carbon, dấu chân nước, cư dân đô thị, thành phố Hà Nội

Determining ecological footprint, carbon footprint, and water footprint of urban people in downtown of Hanoi city (A case study of Kaengnam - Le Van Luong area)

*Students: Nguyen Hong Ngoc, Tran Thi Oanh, Nguyen Thi Tuyet, K57 Physical Geography
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Nguyen An Thinh, Faculty of Geography*

The study originates from the need to determine specific values of energy consumption and waste amount discharged into the residential environment. Therefore, the study objectives are to determine the ecological, carbon, and water footprint in each area. The study steps include: (i) Surveying and collecting data of ecological, carbon, water footprint; (ii) Interview with 150 questionnaires collected. The study results include: (i) Zoning maps established by using MapInfo; value maps of ecological footprint, carbon footprint, water footprint of the research areas (urban, new urban residential); (ii) Assessing the resource consumption level and waste amount discharged into the environment, explaining causes and suggesting solutions to minimize the ecological footprint, carbon footprint, water footprint in the high footprint value areas. The results of the study provide a basis for the orientation and solutions for sustainable urbanization. This method can be applied to calculate for other urban areas in Vietnam.

Keywords: ecological footprint, carbon footprint, water footprint, municipal inhabitant, Hanoi city



22. Cơ sở khoa học và phương pháp xác lập đới đệm ven biển

*Sinh viên: Hàn Thị Kim Ngân, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Vũ Văn Phái, Khoa Địa lý*

Bờ biển hiện nay đang chịu sức ép quá lớn bởi nhiều nguyên nhân, cả tác nhân tự nhiên và con người, đặc biệt là vấn đề xói lở bờ biển. Tuy nhiên việc bảo vệ bờ, bảo vệ các tài sản bên trong bờ mới chỉ dừng ở phương pháp công trình (đê, tường biển, kè biển...) gây tốn kém, có thời hạn và mất thẩm mỹ khu bờ, và mang tính chất ứng phó. Với triết lý đơn giản “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, một đới đệm (Coastal setback zone) được xây dựng trên cơ sở khoa học là giải pháp tối ưu nhất. Đới đệm này là hành lang cấm, hoặc hạn chế

xây dựng các công trình, ngăn cản các hành vi hoạt động thương mại của con người; đồng thời trả lại trạng thái tự cân bằng cho bãi bằng phương pháp riêng của chúng; là hành lang bảo vệ các tài nguyên ven bờ (hệ sinh thái khu bờ, các giá trị văn hóa, di tích). Nghiên cứu Xác lập đới đệm ven biển sẽ là công cụ hữu hiệu cho công tác quản lý và quy hoạch đới bờ, và hướng tới phát triển bền vững. Trong báo cáo sẽ trình bày phương pháp của Gillian Cambers và sử dụng công cụ viễn thám & GIS, cụ thể là mô hình DSAS để xác lập đới đệm cho bờ biển Trà Cổ, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Từ khóa: đới đệm, xói lở bờ biển, mô hình DSAS

Scientific basis and method for establishing coastal setback zone

Student: Han Thi Kim Ngan, K56 Geography

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Vu Van Phai, Faculty of Geography

Coastal is now under strong pressure by many causes, both natural factors and human, especially coastal erosion. However, protecting coasts and onshore poverty has just included the construction solutions (dikes, seawalls, sea embankments...). These solutions are costly, time-limited, destroying the landscapes of coasts, and just be passive responses. With a simple philosophy, "prevention is better than cure", a buffer zone (coastal setback zone) built on the basis of science is the best measure. This buffer zone is a forbidden corridor, which restricts construction building, prevents commercial activities; while returns balance status for the beaches. They are also the corridor protecting coastal resources (coastal ecosystems, cultural values, and heritage). Establishing coastal setback zone will be an effective tool for the management and planning of the coastal zones, and towards sustainable development. In the report, author will present the method of Gillian Cambers and use remote sensing and GIS tools, namely DSAS model to establish buffer zone for Tra Co coast (Mong Cai city, Quang Ninh province).

Keywords: buffer zone. coastal setback zone, coastal erosion, DSAS model



23. Nghiên cứu cơ chế thành tạo thạch nhũ phục vụ công tác bảo tồn

Sinh viên: Hoàng Thị Ngọc, Nguyễn Thị Mai, K58 CLC Địa lý tự nhiên

Nguyễn Minh Hiệp, K57 Quản lý đất đai

GV hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Hiệu, ĐHQGHN, ThS. Đỗ Trung Hiếu, Khoa Địa lý

Hệ thống hang động ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở các vùng núi đá vôi có kiểu địa hình karst rất phát triển. Ba di sản thiên nhiên thế giới của Việt Nam là vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và quần thể danh thắng Tràng An đều là những danh thắng có những hang động nổi tiếng. Các hệ thống hang động có giá trị cao đối với nghiên cứu khoa học (địa chất, địa lý, sinh học...) với những cảnh quan độc đáo phục vụ du lịch. Nhận định được các giá trị mang ý nghĩa khoa học, du lịch của chúng, đồng thời dựa trên cơ sở thu thập, phân tích các nghiên cứu khoa học trước đó về Karst, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích cơ chế, môi trường thành tạo và đặc điểm hình thái của những dạng thạch nhũ độc đáo trong một số hang động ở Việt Nam. Báo cáo đưa ra được cơ sở khoa học về cơ chế thành tạo, đặc điểm hình thái và hiện trạng sử dụng, khai thác của các loại thạch

nhũ độc đáo nhằm đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý phục vụ cho công tác bảo tồn hang động ở Việt Nam.

Từ khóa: Thạch nhũ, độc đáo, bảo tồn

Researching the forming mechanism of stalactites in cave for preservation

*Students: Hoang Thi Ngoc, Nguyen Thi Mai, K58 Physical Geography
Nguyen Minh Hiep, K57 Land Administration*

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Nguyen Hieu, VNU, MSc. Do Trung Hieu, Faculty of Geography

Cave systems in Vietnam are mainly distributed in the mountains of developed limestone karst terrain. Three World Heritages of Vietnam are Ha Long Bay, Phong Nha - Ke Bang National Park and Trang An Scenic Landscape Complex are all famous landscapes with amazing caves. Cave systems are highly valued by scientific researches (geology, geography, biology...) with unique landscapes which are used in tourism. Understanding their scientific and tourism values, in addition of basing on collecting and analyzing the former scientific researches on Karst together with reference materials, our research group focuses on: analyzing the unique types of stalactite formed in some typical caves in Vietnam: forming environments and structure features. This research carries out scientific fundamentals of forming mechanisms, structure analysis and the exploiting status of these unique stalactites therefore suggesting the solutions to have appropriate usage for better solutions to cave preservation in Vietnam.

Key words: Stalactites, unique, preservation



24. Sự thay đổi vai trò của lao động nữ trong gia đình dưới tác động của quá trình đô thị hóa tại xã Giai Phạm huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên

*Sinh viên: Nguyễn Thị Thúy Ngân, Nguyễn Phương Anh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, ThS. Dương Thị Thủy, Khoa Địa lý*

Ở nhiều nước phát triển trên thế giới, vai trò của người phụ nữ trong cả gia đình lẫn xã hội được đánh giá rất cao. Ở một nước từng bị ảnh hưởng nặng nề bởi tư tưởng phong kiến như Việt Nam, thì vai trò của lao động nữ nhiều khi lại bị coi nhẹ, mặc dù đây là một trong những nước có tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động cao nhất thế giới (chiếm 47% lực lượng lao động của xã hội). Dưới tác động của quá trình phát triển kinh tế-xã hội nói chung và quá trình đô thị hóa nói riêng, lực lượng lao động nữ cũng trải nghiệm những thay đổi lớn trong cả công việc xã hội và gia đình. Cùng với đó, nhận thức về vai trò của lao động nữ cũng đã được nâng cao và nhấn mạnh. Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên là một xã đang trong quá trình công nghiệp hóa, nơi rất nhiều lao động nữ được giải phóng khỏi các công việc đồng áng để tham gia vào hoạt động công nghiệp, và vì thế mà làm thay đổi hẳn vai trò của người phụ nữ trong phân công lao động gia đình lẫn quyền quyết định trong gia đình. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu chỉ ra những thay đổi vai trò của lao động nữ trong gia đình dưới sự tác động của quá trình đô thị hóa xã Giai Phạm. Với các phương pháp tổng hợp phân tích tài liệu; Điều tra khảo sát thực địa; Điều tra xã hội học bằng bảng hỏi hộ gia đình, đề tài đã đưa ra một số kết quả cụ thể sau: (1) sự

thay đổi nghề nghiệp và thu nhập của lao động nữ trong quá trình đô thị hóa; (2) sự thay đổi vai trò lao động nữ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của gia đình; (3) sự thay đổi quyền của lao động nữ trong giáo dục con cái, quyền quyết định trong gia đình, tham gia các hoạt động cộng đồng.

Từ khóa: Vai trò lao động nữ, đô thị hóa, xã Giai Phạm

The changing role of women labor in family under the impact of urbanization process at Giai Pham commune, Yen My district, Hung Yen province

*Students: Nguyen Thi Thuy Ngan, Nguyen Phuong Anh, K56 Geography
Supervisors: Dr. Nguyen Thi Ha Thanh, MSc. Duong Thi Thuy, Faculty of Geography*

In many developed countries over the world, the role of women labors is strongly considered, not only in family, but also in society. However, in such a former feudal society like Vietnam, the important role of women labors is sometimes ignored, although the percentage of women labor in this country is at the highest in the world (47% of the total labor force). Under its socio-economic development in general and the urbanization in particularly during these recent years, women labor forces have experienced several changes in working and living. In concomitantly, conception of the society about their essential role, especially in family, has been highly recognized and emphasized. Giai Pham commune, Yen My district, Hung Yen province is an industrialized rural area, where many women labors are freed from agriculture to work on industry, that evoke many transformation in either labor division or private rights in their family. With the purpose of indicating the role changes of women labor in the family under the impact of urbanization. By applying main methodologies, such as data collection, data synthesis; fieldwork survey; structured and semi-structured interview, this research obtains 3 results: (1) changes of occupations and income of women labor during the urbanization; (2) the changing role of women labor in the agricultural activities of the family; (3) the transformation of their rights in educating children, making decision for the family as well as the involvement into community activities.

Keywords: Role of women labor, urbanization, Giai Pham commune



25. Ứng dụng viễn thám và GIS giám sát sự thay đổi chất lượng môi trường nước khu vực ven biển Hải Phòng theo mùa

*Sinh viên thực hiện: Hà Thị Bích Phương, K56 Địa lý, Bùi Thị Hằng, K57 Địa lý tự nhiên
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thạch, Khoa Địa lý
ThS. Phạm Xuân Cảnh, Khoa Địa lý*

Môi trường nước khu vực ven biển Hải Phòng đang có xu hướng bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi các hoạt động kinh tế - xã hội của con người. Suy thoái môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến khu vực, đặc biệt là khu vực ven biển. Do đó, nghiên cứu các thông số chất lượng môi trường nước là việc làm hết sức cần thiết cho việc quản lý và giám sát môi trường nước ven biển Hải Phòng. Hiện nay, viễn thám là phương pháp được chứng minh là hữu ích cho nghiên cứu này. Viễn thám có thể cung cấp thông tin cả không gian và

thời gian của đặc tính của nước bề mặt, một số lượng lớn các thông tin về chất lượng nước chlorophyll-a, phù sa lơ lửng, độ đục, chỉ số màu sắc và nhiệt độ nước bề mặt... có thể được quan sát một cách thường xuyên và trên quy mô rộng. Hơn nữa công nghệ viễn thám là một kỹ thuật định lượng rẻ hơn và lặp đi lặp lại để đo chất lượng nước, điều này giúp cho việc quản lý tài nguyên nước thường xuyên và đầy đủ hơn. Trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã Ứng dụng viễn thám và GIS giám sát sự thay đổi chất lượng môi trường nước khu vực ven biển Hải Phòng trong mùa mưa và mùa khô.

Từ khóa: Chất lượng nước, khu vực ven biển, viễn thám, GIS, Hải Phòng

Application of remote sensing and GIS for monitoring environmental quality changes of coastal water in Hai Phong City in rainy and dry seasons

Students: Ha Thi Bich Phuong, K56 Physical Geography

Bui Thi Hang, K57 Physical Geography

Supervisors: Assoc. Prof. Nguyen Ngoc Thach, MSc. Pham Xuan Canh, Faculty of Geography

Environmental water in coastal area in Hai Phong city is becoming polluted very serious under impact of economic and society activities. Environmental degradation has great influence to coastal areas. Therefore, researching quality parameters of environmental water is very essential to manage and monitor water resources in coastal area in Hai Phong city. Currently, remote sensing method is proved to be useful for this research. Remote sensing data can provide both information space and time of surface water characteristics. The large number of water quality parameter as: chlorophyll-a, suspended sediment, turbidity, color index and surface temperature... can be observed regular in large area. Moreover, remote sensing technology is a cheaper quantitative technique and it can be used in a repeat cycle to measure the water quality. So, the management will be full. In this study, we applied Remote Sensing technique and GIS for monitoring environmental quality changes of coastal water in Hai Phong City in rainy and dry seasons.

Keywords: Water quality, coastal area, Remote Sensing, GIS, Hai Phong



26. Thành lập bản đồ cảnh quan khu vực huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi với sự trợ giúp của viễn thám và GIS

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Đức Thịnh, K56 Địa lý

Giáo viên hướng dẫn: ThS. Dư Vũ Việt Quân, Khoa Địa lý

ThS. Phạm Minh Tâm, Khoa Địa lý

GS.TS. Nguyễn Cao Huân, Khoa Địa lý

Bản đồ cảnh quan là loại bản đồ địa lý tự nhiên, thể hiện các tổng hợp thể địa lý của lãnh thổ nghiên cứu. Các phương pháp xây dựng bản đồ cảnh quan truyền thống dựa trên nguyên tắc phát sinh và tiếp cận tổng hợp bằng cách phân tích liên hợp các bản đồ thành phần như địa chất, địa mạo, thổ nhưỡng, thảm thực vật trên nền chung của nền nhiệt ẩm khí hậu - thủy văn. Những thập kỷ gần đây với sự phát triển nhanh của công nghệ thông tin, các ứng dụng GIS được áp dụng ngày càng nhiều trong nghiên cứu địa lý nói chung và nghiên cứu cảnh quan nói riêng với tiếp cận định lượng. Đề tài sử dụng các kỹ thuật chồng xếp các lớp dữ liệu hợp phần trong môi trường GIS để thành lập bản đồ cảnh quan khu vực

3 huyện ven biển tỉnh Quảng Ngãi (huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và TP Quảng Ngãi). Các dữ liệu hợp phần được sử dụng bao gồm: mô hình số độ cao (từ bản đồ địa hình), loại đất (từ bản đồ thổ nhưỡng theo FAO), lớp phủ mặt đất (từ ảnh vệ tinh SPOT5 năm 2011). Kết quả của đề tài là bản đồ phân loại cảnh quan và đặc điểm của các đơn vị cảnh quan tại khu vực nghiên cứu. Hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài là so sánh kết quả với các phương pháp phân loại cảnh quan truyền thống và đề xuất các phương án quy hoạch không gian cho lãnh thổ nghiên cứu.

Từ khóa: bản đồ cảnh quan, huyện Sơn Tịnh, huyện Tư Nghĩa, thành phố Quảng Ngãi, viễn thám & GIS

Application of remote sensing and GIS in establishing the landscape map of Son Tinh District, Tu Nghia District and Quang Ngai City

Student: Nguyen Duc Thinh, K56 Geography

Supervisors: MSc. Du Vu Viet Quan, Faculty of Geography

MSc. Pham Minh Tam, Faculty of Geography

Prof.Dr. Nguyen Cao Huan, Faculty of Geography

A landscape map is one type of physical maps displaying the geo-complexes of a territory. Traditional methods of mapping landscape are based on genesis principles and integrated approach by integrating thematic layers such as geological, geomorphological, soil and vegetation map within the general climate - hydrological conditions. With the rapid development in information technology, these recent decades have experienced the increasing application of geographic information system (GIS) in geography, especially in landscape research with quantitative approach. The methods used in this research are overlaying and analyzing thematic layers in GIS environment to creating the landscape map of Son Tinh District, Tu Nghia District and Quang Ngai City. The input data includes digital elevation model (from topographic map), soil types (from soil map, FAO), land cover (from SPOT5 2011 image). The results are landscape typology map and characteristics of landscape units in the study area. The research directions are to compare this results with ones from the traditional methods and then to propose the spatial planning scenarios for this territory.

Keywords: landscape map, Son Tinh district, Tu Nghia district, Quang Ngai city, remote sensing and GIS



27. Hoạt động du lịch tâm linh tại đền Đô và chùa Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh: nhận thức và thực trạng

Sinh viên: Nguyễn Hà Trang, Nguyễn Thị Thoáng, Vũ Thị Diệu, K58 Địa lý tự nhiên

Giáo viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hà Thành, ThS. Dương Thị Thủy, Khoa Địa lý

Trong suốt nhiều thế kỷ nay, du lịch tâm linh đã hình thành và đang phát triển ở nhiều nước trên thế giới như Ấn Độ, Ý, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan... và Việt Nam là quốc gia đa dạng về văn hóa, tôn giáo, lễ hội cũng không nằm ngoài xu hướng này. Tỉnh Bắc Ninh với 1.300 di tích văn hóa, trong đó có 191 di tích được xếp hạng cấp quốc gia cùng hơn 400 lễ hội truyền thống đậm chất dân gian, nơi đây là mảnh đất tiềm năng cho

phát triển du lịch tâm linh. Tuy nhiên, mối lo ngại về sự biến tướng của những điểm văn hóa tâm linh trong thời gian gần đây đang ngày càng gia tăng, gây khó khăn cho quản lý, cũng như làm giảm đi cái nhìn thiện cảm về hoạt động du lịch tâm linh ở Bắc Ninh nói chung và Việt Nam nói riêng. Với mục tiêu làm rõ thực trạng của hoạt động du lịch tâm linh, và nhận thức của du khách tham gia loại hình này ở tỉnh Bắc Ninh, đề tài đã lựa chọn hai điểm nghiên cứu đại diện là chùa Phật Tích thuộc nhóm di tích tôn giáo, đền Đô thuộc nhóm di tích tín ngưỡng cho nghiên cứu. Bằng hệ thống phương pháp thu thập, tổng hợp dữ liệu; Điều tra khảo sát thực địa; Điều tra xã hội học bằng bảng hỏi, đề tài đã đưa ra được một số kết quả sau: phân loại nhóm khách du lịch đến của hai điểm nghiên cứu theo đặc điểm khách và mức độ nhận thức; chỉ ra mối quan hệ tương tác giữa khách du lịch và cộng đồng địa phương; đồng thời làm rõ lợi ích cũng như hạn chế của hoạt động du lịch văn hóa tâm linh ở các điểm nghiên cứu. Từ đó, đề tài sẽ bước đầu đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng quản lý và thực hiện hoạt động du lịch tâm linh, mang lại hiệu quả cho cả du khách và cộng đồng địa phương tại khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: Du lịch văn hóa tâm linh, đền Đô, chùa Phật Tích

Spiritual tourism in Do temple and Phat Tich pagoda, Bac Ninh province: perception vs reality

*Students: Nguyen Ha Trang, Nguyen Thi Thoang, Vu Thi Dieu, K58 Physical Geography
Supervisors: Dr. Nguyen Thi Ha Thanh, MSc. Duong Thi Thuy, Faculty of Geography*

Since a long time ago, spiritual tourism has formed and grown in several countries over the world, such as India, Italy, Japan, China, Thailand and Viet Nam. In this country of colorful cultures and religions, Bac Ninh province, with 1.300 cultural relics, 191 national relics and more than 400 traditional yearly festival, is a considerable place for spiritual tourism development. However, the concerns of increasing negative changes in spiritual and religion activities raising recently effaces positive perception on spiritual tourism. With the purpose of identifying the reality of spiritual tourism and perception of spiritual tourists about their religion destinations in Bac Ninh province, this research is implemented, with two case studies: Do temple and Phat Tich pagoda. By applying main methodologies, such as data collection, data synthesis; Survey fieldwork; structured interview, this research shows 3 results: (1) Classifying tourist groups by characteristics and perceptions; (2) Investigating the relationship between tourists and local communities; and (3) Revealing the real characteristics of spiritual tourism in two case studies. Based on these results, the authors would like to propose some solutions to develop spiritual tourism efficiently for either tourists or local communities in the study area.

Keywords: Spiritual tourism, Do temple, Phat Tich pagoda



28. Thành lập bản đồ 3D khu vực Ba Vì từ dữ liệu UAV

*Sinh viên: Kiều Tuyết Trinh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: TS. Bùi Quang Thành, Khoa Địa lý
NCS. Vũ Phan Long, Cục Bản đồ quân đội*

Bề mặt trái đất nhấp nhô, không bằng phẳng là đối tượng được nghiên cứu, thể hiện lên bản đồ. Nhiều hướng nghiên cứu hiện nay tập chung vào hướng mô hình hóa 3 chiều dữ liệu bề mặt trái đất. Những bản đồ 3D mang tính chân thực hơn, người sử dụng dễ hiểu và xử lý thông tin một cách nhanh chóng. Mục đích của báo cáo này nhằm thành lập bản đồ 3D tỉ lệ lớn khu vực Ba Vì. Dữ liệu sử dụng là dữ liệu UAV từ máy bay Swinglet CAM của Thụy Sĩ. Cùng với sử dụng phần mềm Postflight Terra 3D để tạo nên bản đồ 3D với độ chính xác cao. Đề tài góp phần bổ sung phương pháp tiếp cận và thành lập bản đồ 3D từ dữ liệu UAV, cung cấp cho người dùng một công cụ hữu ích, cho phép nhận biết và tìm hiểu dữ liệu không gian cũng như các thông tin thuộc tính liên quan đến địa hình chính xác hơn, phục vụ cho công tác quy hoạch xây dựng, giáo dục, viễn thông, du lịch, quân sự...

Từ khóa: bản đồ 3D, dữ liệu UAV

UAV data for 3D mapping in Ba Vi

*Student: Kieu Tuyet Trinh, K56 Geography
Supervisor: Dr. Bui Quang Thanh, Faculty of Geography
Vu Phan Long, Military Mapping Agency*

Earth surface is subject to be studied for thousands of years. Many current researches have focused on creating maps that model the real world. 3D map is more realistic and it is easy for users to understand and to quickly track information. This research focused on employing Unmanned Aerial Vehicle (UAV) data from Swinglet CAM (Switzerland) and Postflight Terra 3D software to create high-accurate 3D map in Ba Vi. This research proposed a new approach for using UAV data to create 3D maps.

Keywords: 3D map, UAV



29. Đánh giá tài nguyên karst phục vụ phát triển du lịch khu vực Bái Tử Long

*Sinh viên: Bùi Thị Hương Thu, K57CLC Địa lý tự nhiên
Phạm Vân Anh, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Hiệu, ĐHQGHN
ThS. Đỗ Trung Hiếu, Khoa Địa lý*

Vịnh Bái Tử Long là vùng phụ cận của quần thể di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long cũng mang trong mình nhiều những giá trị nổi bật về địa chất địa mạo. Tuy nhiên các hoạt động du lịch tại Bái Tử Long chưa khai thác hết được tiềm năng của những giá trị này. Vì vậy nhóm tác giả quyết định thực hiện đề tài đánh giá tài nguyên karst tại Vịnh Bái Tử Long phục vụ cho phát triển du lịch. Trong quá trình thực hiện, nhóm thu thập dữ liệu từ các giáo trình địa mạo, các luận văn, các bài báo trên tạp chí khoa học có cùng hướng nghiên cứu. Nghiên cứu dựa trên quan điểm hệ thống, cùng với các phương pháp tổng quan, xử lý tư liệu, phương pháp địa chất- địa mạo, phương pháp bản đồ, viễn thám và gis, khảo sát thực địa, phương pháp thống kê, so sánh để phân tích, đánh giá tài nguyên. Kết quả nghiên cứu của nhóm hướng tới là đánh giá, phân loại tài nguyên karst có thể khai thác cho phát triển du lịch, xây dựng một bản đồ phân bố các điểm có tài nguyên karst có thể khai thác, phát triển du lịch. Từ đó đề xuất các tuyến du lịch thích hợp nhằm thu hút thêm

khách du lịch đến với vịnh Bái Tử Long.

Từ khóa: Vịnh Bái Tử Long, tài nguyên karst, du lịch, đánh giá, phân loại

Assessing karst resources for tourism development in Bai Tu Long Bay

Students: Bui Thi Huong Thu, K57HQ Physical Geography

Pham Van Anh, K57 Physical Geography

Supervisors: Assoc. Prof. Dr. Nguyen Hieu, VNU

MSc. Do Trung Hieu, Faculty of Geography

Bai Tu Long Bay is the surrounding buffer zone of World Heritage Ha Long Bay which has many outstanding values on limestone karst geomorphology. However, the tourism activities in Bai Tu Long have not exploited the potential of these values. Therefore, the authors conducted a study to assess the karst resources in Bai Tu Long Bay for tourism development. In the process of research, we have collected geomorphology textbooks, researches and reports on academic magazines, Master and PhD thesis which related to our study field. Our study was conducted based on the system angle; the methods including survey, data process, geology-geomorphology methods, mapping method, applying remote sensing and GIS, field work, statistical method, comparison method which were used to analyze and assess the resources. The main purpose of this research is to classify and assess the karst resources in Bai Tu Long Bay for the tourism development, then to establish a map of the distribution of the karst resource points which can be exploited for tourism. Finally, we suggest the tourism routes to attract tourists to Bai Tu Long Bay.

Keywords: Bai Tu Long Bay, karst resources, tourism, assessment, classification



30. Nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng tiếp cận với biến động lớp phủ rừng tại tỉnh Hòa Bình

Sinh viên: Đỗ Thị Kim Tuyền, K56 Địa lý

Giáo viên hướng dẫn: TS. Hoàng Thị Thu Hương, Khoa Địa lý

Khả năng tiếp cận là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đối với sự phát triển kinh tế-xã hội nói chung và biến động lớp phủ rừng nói riêng. Nó có thể tác động theo chiều hướng tích cực, góp phần mở rộng diện tích rừng hoặc ngược lại làm cho tình trạng phá rừng trở nên nghiêm trọng hơn. Hòa Bình là một tỉnh miền núi phía tây bắc Việt Nam, là điểm nóng của tình trạng phá rừng. Vì vậy, việc nghiên cứu những tác động của khả năng tiếp cận đến biến động lớp phủ rừng là cần thiết. Đề tài nhằm mục tiêu đánh giá mối quan hệ giữa khả năng tiếp cận với sự biến động lớp phủ rừng từ đó xác định nguyên nhân phá rừng, đề xuất các biện pháp phục hồi và bảo vệ rừng hiệu quả. Nguồn dữ liệu chính phục vụ cho nghiên cứu là bản đồ lớp phủ rừng năm 2000 và 2010 được thu thập từ Viện điều tra qui hoạch rừng, bản đồ hệ thống cơ sở hạ tầng của tỉnh Hòa Bình. Phương pháp được sử dụng để nghiên cứu gồm có: phương pháp hệ thống tin địa lý (GIS); phương pháp phân tích thành phần chính (PCA) và phương pháp điều tra xã hội học. Từ những phương pháp trên, đề tài thu được kết quả: tính được khả năng tiếp cận, biến động lớp phủ rừng ở cấp xã; xác định được mối tương quan giữa khả năng tiếp cận với biến động lớp phủ rừng,

đánh giá và giải thích mối tương quan dựa trên những kết quả thu được từ khảo sát thực địa.

Từ khóa: khả năng tiếp cận, biến động lớp phủ rừng, Hòa Bình

Studying the relationship between accessibility and forest cover change in Hoa Binh province

Student: Do Thi Kim Tuyen, K56 Geography

Supervisor: Dr. Hoang Thi Thu Huong, Faculty of Geography

Accessibility is considered to be one of the most important determinants of socio-economic development in general and forest cover change in particular. The relationship between accessibility and forest cover change is complex. Accessibility can have positive impacts on forest as it support for reforestation. However other studies showed that deforestation are highest in accessible places. Hoa Binh is a mountainous province located in northwest Vietnam, the hot spot of deforestation. Therefore, studying the impacts of accessibility on forest cover change is necessary. Objective of the study is assess the relationship between the accessibility and forest cover change as well as determine the cause of deforestation, propose solutions for forest conservation. The main sources of data used in this study are land cover map in 2000 and 2010 collected from FIPI; infrastructure system of Hoa Binh province. The methods applied in the study include: Geographic Information Systems (GIS); Principal Component Analysis (PCA) and sociological investigation. The main results of this research are spatial pattern of accessibility indicator, spatial pattern of forest cover at commune level; the correlation between accessibility and forest cover change, mechanism behind the forest cover change obtained from field surveys.

Keywords: Accessibility, forest cover change, Hoa Binh



31. Thử nghiệm khai thác ảnh vệ tinh VNREDSAT-1A trong việc phân loại lớp phủ thành phố Huế

Sinh viên: Hoàng Ngọc Tâm, Lê Thị Hằng, K56 Địa lý

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Phạm Văn Cự, Khoa Địa lý

Vệ tinh VNREDSat-1A là vệ tinh quan sát Trái Đất có bộ cảm thuộc họ NAOMI với bốn băng phổ trong dải thị tần - cận hồng ngoại và độ phân giải không gian 2,5m (PAN) và 10m (MX). Đây là vệ tinh quan sát Trái Đất đầu tiên của Việt Nam và đang ở giai đoạn ứng dụng thử nghiệm. Câu hỏi đặt ra là với các đặc điểm đa phổ và độ phân giải không gian có thể phù hợp cho việc phân tích không gian đô thị được không. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này là một cảnh VNREDSat-1A chụp khu vực Thành phố Huế ngày 14/5/2014. Nhóm tác giả đã phối hợp phương pháp phân loại định hướng đối tượng với phương pháp phân ngưỡng dựa trên xám độ để chiết suất thông tin lớp phủ của khu vực Thành phố Huế. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng dữ liệu VNREDSat-1A hoàn toàn phù hợp với việc chiết suất thông tin lớp phủ của một đô thị có quy mô sử dụng đất mạnh mẽ như Thành phố Huế. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy hiệu quả của việc phối hợp phương

pháp phân loại định hướng đối tượng với phương pháp phân ngưỡng dựa trên xám độ trong việc nâng cao độ chính xác của kết quả.

Từ khóa: VNREDSat-1A, sử dụng đất manh mún, định hướng đối tượng, phân ngưỡng

Application test with VNREDSAT-1A satellite image land cover classification in Hue city

Students: Hoang Ngoc Tam, K56 Geography

Le Thi Hang, K56 Geography

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Pham Van Cu, Faculty of Geography

VNREDSat-1A satellite is an Earth observation satellites, having a sensor which belongs to NAOMI family with four spectral bands in the visible - infrared and spatial resolutions of 2.5 m (PAN) and 10m (MX). This is the first Earth observation satellites of Vietnam in the test application. A question is raised with such multi-spectral and spatial resolution specifications are VNREDSat-1A data suitable for urban areas analysis? The data used in this study is a scene of VNREDSat-1A acquired in 05/14/2014. The authors have combined object-oriented classification method and thresholding based on gray-level to extract information on land cover of Hue City area. The obtained results show that VNREDSat-1A data are quite suitable for land cover information extraction for in such fragmented land use pattern as it is in Hue City. Moreover, the results also show the efficiency of the combination of object oriented and grey level-based thresholding classifications in accuracy amelioration.

Key words: VNREDSat-1A, fragmented land use, object oriented, thresholding



32. Nghiên cứu địa mạo sinh vật phục vụ công tác nghiên cứu bảo tồn và khôi phục rừng ngập mặn xã Bàn La, quận Đồ Sơn và xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

Sinh viên: Đỗ Phương Thảo, K56 Địa lý

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Vũ Văn Phái, Khoa Địa lý

Địa mạo sinh vật là một lĩnh vực khoa học liên ngành nghiên cứu các yếu tố địa mạo gắn liền với sự hình thành và phát triển của sinh vật. Mối tương tác giữa sinh vật với địa mạo được thể hiện khá rõ ràng trong hệ sinh thái rừng ngập mặn. Bằng những tác động quan trọng tới cấu trúc và quá trình địa mạo, đẩy mạnh sự biến đổi hình thái địa hình các loài sinh vật được xem là những loài kỹ sư địa mạo. Thậm chí chúng trở thành các loài kỹ sư hệ sinh thái khi vai trò của chúng làm thay đổi môi trường vật lý, các dòng vật chất năng lượng và quá trình di chuyển trầm tích. Kết quả nghiên cứu địa mạo sinh vật sẽ góp phần phục vụ công tác nghiên cứu bảo tồn và khôi phục rừng ngập mặn ví dụ ở ven biển xã Bàn La, quận Đồ Sơn và xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

Từ khóa: địa mạo sinh vật, kỹ sư địa mạo, kỹ sư hệ sinh thái

Researching biogeomorphology for the preservation and restoration of the mangroves in Bang La commune, Do Son District and Dai Hop commune, Kien Thuy District, Hai Phong city

*Student: Do Phuong Thao, K56 Geography
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Vu Van Phai, Faculty of Geography*

Biogeomorphology is an interdisciplinary field of researching geomorphology factors associated with the formation and development of creature. The interaction between creature and geomorphology is shown quite clearly through mangrove ecosystems. By the significant impact of creature to the structure and geomorphological processes, they accelerate the transformation terrain morphology and considered as engineer geomorphology species. They even become ecosystem engineer species as they play an important role in changing the physical environment, material and energy flows and sediment transport processes. The results of biogeomorphology research will contribute to the conservation researches and the restorations of mangroves in coastal area in Bang La commune, Do Son District and Dai Hop commune, Kien Thuy District, Hai Phong city

Keywords: bio-geomorphology, engineer ecosystem, engineer geomorphology

**33. Nghiên cứu ứng dụng GIS và phương pháp phân tích đa chỉ tiêu trong định giá đất và thành lập bản đồ vùng giá trị đất đai phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**

*Sinh viên: Đỗ Thị Tuyền, K56 Công nghệ Địa chính
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, Khoa Địa lý
CN. Nguyễn Xuân Linh, Khoa Địa lý*

Giá đất luôn là một vấn đề nóng được cả xã hội quan tâm. Tuy nhiên, do giá đất bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố nên việc định giá đất trên thị trường vẫn còn rất phức tạp, thiếu chính xác, gây không ít khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Ngày nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, phương pháp kết hợp hệ thống thông tin địa lý (GIS) và phương pháp phân tích đa chỉ tiêu (MCA) là một công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc xác định giá đất. Nó giúp đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất của một địa bàn nào đó, tại một thời điểm nhất định bằng trọng số. Dựa vào những tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, các số liệu thực tế về giá thị trường của các thửa đất trên địa bàn phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, trên cơ sở ứng dụng phương pháp phân tích đa chỉ tiêu và GIS, đề tài đã nghiên cứu, tìm hiểu các yếu tố tác động đến giá của thửa đất và so sánh mức độ quan trọng của chúng để xác định trọng số, từ đó ước tính được giá thị trường của các thửa đất trên địa bàn. Kết quả có ý nghĩa trong việc định giá đất khách quan, sát với thực tế, hỗ trợ công tác quản lý Nhà nước về đất đai, giúp phát triển thị trường bất động sản minh bạch và dân chủ.

Từ khóa: GIS, phân tích đa chỉ tiêu, bản đồ vùng giá trị

Research on application of GIS and multi-criteria analysis in land valuation and land value mapping in Trung Phung Ward, Dong Da District, Hanoi City

Student: Do Thi Tuyen, K56 Land Administration

*Supervisors: Assoc. Prof. Dr. Tran Quoc Binh, Faculty of Geography
BSc. Nguyen Xuan Linh, Faculty of Geography*

Land price has always been concerned by our society. However, since land prices are affected by many factors, the land valuation is still a very complicated work and inaccurate, causing difficulties for State land administration. Nowadays, along with the development of information technology, the combination of Geographic Information System (GIS) and Multi-Criteria Analysis (MCA) makes a useful tool for supporting land valuation. It helps to assess the importance of factors affecting the land value in a specific area at a certain time by a weighting system. Based on data on natural and socio-economic conditions, and field data on market price of parcels that had transaction in Trung Phung Ward, Dong Da District, Hanoi City, the author uses MCA and GIS in researching factors affecting land price, comparing their levels of importance in order to determine the weights and then estimated market land price in the study area. The research results are useful for making land valuation more objective and more close to the reality, and therefore providing support for State land administration and improving transparency of real estate market.

Keywords: GIS, Multi-Criteria Analysis, land value map



34. Nghiên cứu định lượng và lập bản đồ cường độ sử dụng đất nông nghiệp

Sinh viên: Đặng Thị Thanh Hương, Lê Ánh Vân, K56 Địa chính

Giáo viên hướng dẫn: TS. Đinh Thị Bảo Hoa, TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng, Khoa Địa lý

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và an ninh lương thực, ta cần gia tăng số lượng và giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và do đó, gia tăng cường độ sử dụng đất. Do vậy, việc định lượng giá trị cường độ sử dụng đất có ý nghĩa quan trọng để đảm bảo hoạt động khai thác đất nông nghiệp hiệu quả và bền vững. Hai xã Yên Dương, Ý Yên, Nam Định và Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội được lựa chọn làm khu vực nghiên cứu để định lượng cũng như đưa ra các phân tích đánh giá về cường độ sử dụng đất tại đây. Đề tài sử dụng phương pháp bản đồ, GIS và thống kê để phân tích không gian, xây dựng bản đồ cường độ sử dụng đất cũng như tính toán cường độ sử dụng đất. Kết quả xây dựng bản đồ cường độ sử dụng đất nông nghiệp của hai xã nghiên cứu cũng như những phân tích so sánh về cường độ sử dụng đất tại hai nơi sẽ đóng góp vào việc nâng cao lý luận nghiên cứu cường độ sử dụng đất và công tác lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất bền vững.

Từ khóa: Cường độ sử dụng đất, Hà Nội, Nam Định

Study on mapping and quantifying agricultural land use intensity

*Students: Dang Thi Thanh Huong, Le Anh Van, K56 Land Management
Supervisors: Dr. Dinh Thi Bao Hoa, Dr. Nguyen Thi Thuy Hang, Faculty of Geography*

To meet the demand of economic development and food security, it is needed to increase the quantity and value of products per unit area in agriculture, therefore, it is increased the land use intensity. Therefore, quantifying land use intensity play significant role in ensuring the exploitation of agriculture land effective and sustainable. Two communes of Yen Duong, Nam Dinh province and Nam Son, Hanoi are chosen to be the study area to quantify as well as to assess and analyze their land use intensity. In the study, mapping, GIS and statistical methods are used to analyze, establish map of land use intensity and estimate the land use intensity index. The map results of agricultural land use intensity of two communes as well as comparative analysis in the land use intensity between two communes, contribute to the study of land use intensity and the planning of sustainable land use.

Keywords: Land use intensity, Hanoi, Nam Dinh



35. Thực trạng sinh kế của cộng đồng dân cư xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

*Sinh viên: Đỗ Thị Thiết, Vũ Thị Hạnh, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: GS.TS. Trương Quang Hải, Khoa Địa lý*

Nghiên cứu sinh kế nói chung và sinh kế bền vững nói riêng cho một khu vực nông thôn trên quan điểm địa lý nhân văn là vấn đề cấp bách có tính thời sự hiện nay ở nước ta. Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích làm rõ thực trạng sinh kế của người dân xã Vân Hà - một làng nghề mộc khá phát triển của huyện Đông Anh. Trong báo cáo này tập trung nghiên cứu các vấn đề sau đây: Khái niệm, quan điểm về sinh kế, sinh kế bền vững, khung sinh kế; phân tích các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội của xã Vân Hà, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội là các nguồn lực sinh kế của cộng đồng dân cư xã; Phân tích thực trạng sinh kế của xã : các loại hình sinh kế, tình hình phát triển, thuận lợi và khó khăn; từ đó đề xuất một số giải pháp cụ thể cho việc phát triển sinh kế của người dân trong xã theo hướng bền vững.

Từ khóa: Sinh kế, khung sinh kế, sinh kế bền vững

Research on the livelihood situation of people in Van Ha commune, Dong Anh district, Hanoi city

*Students: Do Thi Thiet, K56 Geography
Vu Thi Hanh, K56 Geography
Supervisor: Prof.Dr. Truong Quang Hai, Faculty of Geography*

Research on livelihoods in general and sustainable livelihood in particular for the rural areas in view of human geography is an urgent issue in our country today. This research is conducted with an aim of specifying the livelihood situation of people in Van Ha commune - a developing trading village on carpentry of Dong Anh district. This report focuses on the following issues: generalizing theoretical framework on livelihood,

sustainable livelihood, livelihood framework; Analysis livelihood resources of the local people; Analysis the livelihood situation of people in Van Ha Commune, including: the livelihood types, advantages and disadvantages; And, proposing solutions for developing livelihood of the local people toward sustainable development.

Keywords: Livelihood, livelihood framework, sustainable livelihood



36. Nghiên cứu mối quan hệ giữa biến đổi lớp phủ và sinh kế hộ gia đình tại xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

*Sinh viên: Nguyễn Thị Thân, Nguyễn Tuấn Dũng, Ngô Thị Bích Ngọc, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Phạm Văn Cự, Khoa Địa lý*

Vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới từ năm 2003. Sơn Trạch là một xã nằm trong cả vùng đệm lẫn vùng lõi của vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng và là nơi đang diễn ra những thay đổi về sinh kế hộ gia đình và biến động lớp phủ. Vấn đề đặt ra là liệu có quan hệ gì giữa biến đổi lớp phủ và thay đổi sinh kế nông hộ tại đây không. Để trả lời câu hỏi này, nhóm tác giả đã sử dụng các phương pháp: 1) Đánh giá biến động trước và sau phân loại dữ liệu ảnh vệ tinh, 2) Phân tích thành phần chính. Dữ liệu dùng trong nghiên cứu này bao gồm các ảnh vệ tinh SPOT những năm 1995, 2006, 2012 và dữ liệu điều tra nông hộ các năm 2006, 2011. Kết quả cho phép chỉ ra quan hệ giữa mức độ thay đổi của các loại hình lớp phủ với các sinh kế chính của nông hộ ở các thôn thuộc xã Sơn Trạch. Qua đó, chỉ ra được tác động của công tác bảo tồn đến biến đổi lớp phủ, đặc biệt đến sinh kế nông hộ.

Từ khóa: Viễn thám, biến đổi lớp phủ, sinh kế nông hộ, phân tích thành phần chính

Study the relationship between land cover changes and the household livelihood in Son Trach commune, Bo Trach District, Quang Binh Province

*Students: Nguyen Thi Than, Nguyen Tuan Dung, Ngo Thi Bich Ngoc, K56 Geography
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Pham Van Cu, Faculty of Geography*

Phong Nha Ke Bang National Park is recognized by UNESCO as World Natural Heritage since 2003. Son Trach commune is located both in the core zone and buffer zone of the Phong Nha-Ke Bang National Park where household livelihood and land cover changes are occurring. The question raised is whether there exit any relationship between land cover changes and household livelihood changes. To answer to this question, the authors have used the methods: 1) Pre and and Post classification of satellite image data, 2) Principal Component Analysis. The data used in this study include the SPOT images of 1995, 2006, 2012 and household survey data for 2006 and 2011. The results allow us to conclude that the relationship between the change rate land cover categories and the household livelihood in Son Trach. Thereby, it indicates the impact of conservation activities to land cover changes, especially to household livelihoods

Keywords: Remote sensing, land cover change, household livelihood, principal component analysis



37. Ứng dụng phương pháp Delphi xác định các giải pháp kinh tế sinh thái trong sử dụng bền vững đất dốc của nhóm dân tộc thiểu số huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái

*Sinh viên: Doãn Thị Thu Trang, K56 Địa lý
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn An Thịnh, Khoa Địa lý*

Huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái có điều kiện tự nhiên điển hình cho sản xuất nông lâm nghiệp khu vực miền núi phía Bắc. Nghiên cứu tính hiệu quả và sử dụng bền vững đất dốc canh tác có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế của nhóm dân tộc thiểu số tại địa phương. Đề tài sử dụng phương pháp Delphi kết hợp với thống kê toán học nhằm xác định các giải pháp kinh tế sinh thái trong sử dụng đất dốc canh tác. Các kết quả nghiên cứu chính của đề tài bao gồm: (1) Các nhân tố chính gây ảnh hưởng tới quá trình canh tác đất dốc; (2) Hiện trạng canh tác của nhóm dân tộc thiểu số huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; (3) Giải pháp sử dụng đất dốc hiệu quả và bền vững về mặt sinh thái. Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở đề xuất kiến nghị cho hướng sử dụng đất dốc hợp lý trong tương lai.

Từ khóa: Kinh tế sinh thái, đất dốc, phương pháp Delphi

Using Delphi techniques to determine ecological economic solutions for sustainable use of steep land among ethnic minority group in Van Chan district, Yen Bai province

*Student: Trang Thi Thu Doan, K56 Geography
Supervisor: Assoc.Prof. Dr. Nguyen An Thinh, Faculty of Geography*

Van Chan is a rural district of Yen Bai province, northeastern Vietnam, which has typical natural conditions suited for agricultural production. Research on the efficiency and sustainability of steep land is of importance for the local ethnic minority's economic. This research uses Delphi method and mathematical statistics to identify ecological economics solutions for land use practices. The main findings of the study include: (1) The main factors influencing the sloping lands use; (2) The status of cultivation of ethnic minorities Van Chan district, Yen Bai Province; (3) The solutions to use efficient sloping land and ecologically sustainable. Findings of the research are the basis to propose recommendations for rational land use practices in the future.

Keywords: Ecological economics, sloping land, Delphi method



38. Bước đầu tìm hiểu về địa mạo sinh vật

*Sinh viên: Vũ Thị Trang, Phạm Thị Thu Hiền, K57 Địa lý tự nhiên
Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Vũ Văn Phái, Khoa Địa lý*

Địa mạo sinh vật là môn học kết hợp giữa sinh thái và địa mạo. Đây là một hướng nghiên cứu mới địa mạo học. Đối tượng nghiên cứu của địa mạo sinh vật cũng là địa hình mặt đất. Địa mạo sinh vật nghiên cứu các ảnh hưởng của sinh vật đến địa hình và các quá

trình trên bề mặt Trái đất và ngược lại, những ảnh hưởng của các quá trình trên mặt đất và địa hình đến cấu trúc quần xã sinh vật. Trong báo cáo này, một số nét khái quát về địa mạo sinh vật, như xây dựng sinh vật, xói mòn sinh vật, v.v. và một ví dụ về diễn thế địa mạo sinh vật của rừng ngập mặn sẽ được trình bày.

Từ khóa: địa mạo sinh vật, xây dựng sinh vật, xói mòn sinh vật, diễn thế địa mạo sinh vật

Initial understanding of biogeomorphology

Students: Vu Thi Trang, K57 Physical Geography

Pham Thi Thu Hien, K57 Physical Geography

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Vu Van Phai, Faculty of Geography

Biogeomorphology is interdisciplinary field which is a combination between geomorphology and biology. It is a new research trend of geomorphology. The object study of biogeomorphology as well as geomorphology is terrain surfaces. Biogeomorphology studies the effects of creature on Earth surface and vice versa, the impacts of landform processes and terrains to biome structures. This report will present some outlines of biogeomorphology such as bioconstruction, bioerosion... and an example of mangrove bio-geomorphological succession.

Keywords: Biogeomorphology, bioconstruction, bioerosion, bio-geomorphological succession



39. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống WebGIS phục vụ tra cứu thông tin đất đai và đấu giá bất động sản trên địa bàn phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Sinh viên: Nguyễn Văn Vượng, Vũ Thị Phương, K56 Địa chính

Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Trần Quốc Bình, Khoa Địa lý

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ - thông tin thì việc phổ biến thông tin trong các lĩnh vực kinh tế - văn hóa – xã hội trên Internet ngày càng trở nên phổ biến. Trong lĩnh vực bất động sản, đã có nhiều trang web được xây dựng để tra cứu các thông tin liên quan đến bất động sản, rao bán bất động sản. Tuy nhiên, các trang web mới chỉ dừng lại ở việc rao bán bất động sản, còn việc thực hiện đấu giá bất động sản chưa được hiện đại hóa. Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống WebGIS phục vụ cho việc tra cứu thông tin đất đai, đấu giá bất động sản là vấn đề cấp thiết. Đề tài đã sử dụng ứng dụng công nghệ WebGIS mã nguồn mở (PostgreSQL/PostGIS, UMN MapServer) để xây dựng một hệ thống thông tin cho phép các bên tham gia tìm hiểu, công bố thông tin về bất động sản, thực hiện giao dịch bất động sản dưới hình thức đấu giá đơn giản. Bước đầu, hệ thống đã được thử nghiệm trên địa bàn phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và đạt một số kết quả tích cực.

Research on establishing a WebGIS system for searching land information and providing auction of real estate in Trung Phung Ward, Dong Da District, Hanoi City

*Students: Nguyen Van Vuong, Vu Thi Phuong, K56 Land Administration
Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Tran Quoc Binh, Faculty of Geography*

Nowadays, with the rapid development of information technology, the use of Internet for disseminating information on economic, cultural and social fields becomes more and more popular. In the field of real estate, there are existed many websites built for providing information related to real estate. Nevertheless, almost all of these websites are designed only for the purpose of selling immovable properties and the implementation of real estate auctions have not been considered. Therefore, the establishment of a WebGIS system for searching land information and providing auction of real estate is of high interest. In this project, the authors have used open source WebGIS technologies (namely PostgreSQL/PostGIS and UMN MapServer software packages) for constructing an information system that allows its users to find, publish real estate information and conduct real estate transactions in the form of a simple auction. Initially, the system has been tested in Trung Phung Ward, Dong Da District, Hanoi City and archived some positive results.